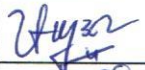


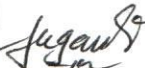









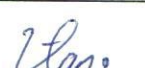
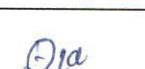


PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HUYỆN ĐIỆN BIÊN
TRƯỜNG MẦM NON XÃ THANH XƯƠNG

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

DANH SÁCH VÀ CHỮ KÝ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ

TT	Họ và tên	Chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ ký
1	Trịnh Thị Huyền	Hiệu trưởng	Chủ tịch Hội đồng	
2	Đặng Thị Thái Hà	Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch Hội đồng	
3	Phạm Thị Nam Hồng	Phó Hiệu trưởng – Chủ tịch Công Đoàn	Thư ký Hội đồng	
4	Phạm Thị Ngân	Tổ trưởng mẫu giáo nhỏ	Ủy viên	
5	Hoàng Thị Dung	Giáo viên	Ủy viên	
6	Vũ Thị Xuân	Tổ trưởng mẫu giáo lớn	Ủy viên	
7	Phạm Thu Hường	Tổ trưởng mẫu giáo Bé - Bí thư đoàn	Ủy viên	
8	Lò Thị Loan (B)	Phó tổ trưởng tổ MG Bé.	Ủy viên	
9	Đinh Thị Thu Hiền	Giáo viên	Ủy viên	
10	Đỗ Thị Hòa	Giáo viên	Ủy viên	
11	Lê Thị Biên Thùy	Tổ trưởng Nhà trẻ	Ủy viên	
12	Hà Thị Hoan	Phó tổ trưởng tổ Nhà trẻ	Ủy viên	
13	Lò Thị Hiền	Giáo viên – Trưởng Ban Thanh tra Nhân dân	Ủy viên	
14	Lê Thị Hân	Tổ phó tổ mẫu giáo lớn	Ủy viên	
15	Lò Thị Địa	Giáo viên	Ủy viên	

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
Mục lục	1
Danh mục các chữ cái viết tắt	3
Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá	4
Phần I. CƠ SỞ DỮ LIỆU	6
Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ	11
A. ĐẶT VẤN ĐỀ	11
B. TỰ ĐÁNH GIÁ	14
I. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHUẨN MỨC 1, 2 và 3	14
Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường	14
Mở đầu	14
Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường	15
Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường và các hội đồng khác	17
Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và các tổ chức khác trong nhà trường	19
Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng	21
Tiêu chí 1.5: Tổ chức nhóm trẻ và lớp mẫu giáo	24
Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản	26
Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên, nhân viên	29
Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục	30
Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở	32
Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học	34
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 1</i>	37
Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên	38
Mở đầu	38
Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng	38
Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên	40
Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên	43
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 2</i>	45

Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học	46
Mở đầu	46
Tiêu chí 3.1: Diện tích, khuôn viên và sân vườn	47
Tiêu chí 3.2: Khối phòng nhóm trẻ, lớp mẫu giáo và khối phòng phục vụ học tập	49
Tiêu chí 3.3: Khối phòng hành chính – quản trị	52
Tiêu chí 3.4: Khối phòng tổ chức ăn	55
Tiêu chí 3.5: Thiết bị, đồ dùng, đồ chơi	56
Tiêu chí 3.6: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước	58
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 3</i>	61
Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội	61
Mở đầu	61
Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ trẻ	62
Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của trường	64
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 4</i>	68
Tiêu chuẩn 5: Hoạt động và kết quả nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ	68
Mở đầu	68
Tiêu chí 5.1: Thực hiện Chương trình giáo dục mầm non	68
Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ	71
Tiêu chí 5.3: Kết quả nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe	73
Tiêu chí 5.4: Kết quả giáo dục	76
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 5</i>	78
Phần III. KẾT LUẬN CHUNG	78
Phần IV: PHỤ LỤC	81

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

TT	Viết tắt	Chú thích
1.	CBQL, GV, NV	Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên
2.	CBQL	Cán bộ quản lý
3.	CNTT	Công nghệ thông tin
4.	CSVC	Cơ sở vật chất
5.	CSGD	Chăm sóc giáo dục
6.	GV	Giáo viên
7.	GDMN	Giáo dục mầm non
8.	GD&ĐT	Giáo dục và Đào Tạo
9.	GVMN	Giáo viên mầm non
10.	UBND	Ủy ban nhân dân
11.	VSATTP	Vệ sinh an toàn thực phẩm

TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

1. Kết quả đánh giá tiêu chí Mức 1, 2 và 3

(Đánh dấu (x) vào ô kết quả tương ứng Đạt hoặc Không đạt)

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chuẩn 1				
Tiêu chí 1.1		x	x	x
Tiêu chí 1.2		x	x	
Tiêu chí 1.3		x	x	x
Tiêu chí 1.4		x	x	x
Tiêu chí 1.5		x	x	x
Tiêu chí 1.6		x	x	x
Tiêu chí 1.7		x	x	
Tiêu chí 1.8		x	x	
Tiêu chí 1.9		x	x	
Tiêu chí 1.10		x	x	
Tiêu chuẩn 2				
Tiêu chí 2.1		x	x	x
Tiêu chí 2.2		x	x	x
Tiêu chí 2.3		x	x	x
Tiêu chuẩn 3				
Tiêu chí 3.1		x	x	x
Tiêu chí 3.2		x	x	x
Tiêu chí 3.3		x	x	x
Tiêu chí 3.4		x	x	x
Tiêu chí 3.5		x	x	x
Tiêu chí 3.6		x	x	

Tiêu chuẩn 4				
Tiêu chí 4.1		X	X	X
Tiêu chí 4.2		X	X	X
Tiêu chuẩn 5				
Tiêu chí 5.1		X	X	X
Tiêu chí 5.2		X	X	X
Tiêu chí 5.3		X	X	X
Tiêu chí 5.4		X	X	X

Kết quả: Mức 1 đạt 25/25 tiêu chí.

Mức 2 đạt 25/25 tiêu chí.

Mức 3 đạt 19/19 tiêu chí.

2. Kết luận: Trường đạt chuẩn chất lượng giáo dục cấp độ 3

Phần I
CƠ SỞ DỮ LIỆU

Tên trường: Trường Mầm non xã Thanh Xương

Tên trước đây: Trường Mầm non số 2 huyện Điện Biên

Cơ quan chủ quản: Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Điện Biên

Tỉnh / thành phố trực thuộc Trung ương	Điện Biên
Huyện / quận / thị xã / thành phố	Huyện Điện Biên
Xã / phường / thị trấn	xã Thanh Xương
Đạt chuẩn quốc gia	Mức độ 2 năm 2017, công nhận lại đạt mức độ 2 sau 5 năm (tháng 11/2021)
Năm thành lập trường (theo quyết định thành lập)	Số 601/QĐ-UB-TC ngày 25/9/1996 của UBND tỉnh Lai Châu
Công lập	x
Tư thục	Không
Dân lập	Không
Trường liên kết với nước ngoài	Không

Họ và tên hiệu trưởng	Trịnh Thị Huyền
Điện Thoại	0979147772
Fax	
Website	https://mnthanhxuong.huyendienbien.edu.vn
Số điểm trường	04
Loại hình khác	Không
Thuộc vùng khó khăn	Không
Thuộc vùng đặc biệt khó khăn	Không

1. Số nhóm trẻ, lớp mẫu giáo

	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023	Năm học 2023-2024
Nhóm trẻ từ 3 đến 12 tháng tuổi	0	0	0	0	0
Nhóm trẻ từ 13 đến 24 tháng tuổi	0	0	0	0	0
Nhóm trẻ từ 25 đến 36 tháng tuổi	6	6	7	6	6
Lớp mẫu giáo 3- 4 tuổi	5	5	4	4	5
Lớp mẫu giáo 4-5 tuổi	4	4	3	4	4
Lớp mẫu giáo 5-6 tuổi	4	4	3	4	3
Lớp mẫu giáo ghép 3+4 tuổi	1	1	2	2	1
Lớp mẫu giáo ghép 4+5 tuổi	0	0	1	0	1
Lớp mẫu giáo ghép 3+4+5 tuổi	0	0	0	0	0
Cộng	20	20	20	20	20

2. Cơ cấu khối công trình của nhà trường

TT	Số liệu	Năm học 2019- 2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021- 2022	Năm học 2022- 2023	Năm học 2023- 2024	Ghi chú
I	Khối phòng nhóm trẻ, lớp mẫu giáo	20	20	20	20	20	
1	Phòng kiên cố	20	20	20	20	20	
2	Phòng bán kiên cố	0	0	0	0	0	
3	Phòng tạm	0	0	0	0	0	
II	Khối phòng	3	3	5	5	5	

	phục vụ học tập						
1	Phòng kiên cố	2	2	3	3	3	
2	Phòng bán kiên cố	1	1	2	2	2	
3	Phòng tạm	0	0	0	0	0	
III	Khối phòng hành chính quản trị	10	11	12	12	12	
1	Phòng kiên cố	10	10	12	10	10	
2	Phòng bán kiên cố	0	0	0	0	0	
3	Phòng tạm	0	0	0	0	0	
IV	Khối phòng tổ chức ăn	1	1	2	2	2	
V	Các công trình, khối phòng chức năng khác (nếu có)	1	14	27	27	27	
	Cộng	35	50	66	66	66	

3. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

a) Số liệu tại thời điểm tự đánh giá

	Tổng số	Nữ	Dân tộc	Trình độ đào tạo			Ghi chú
				Chưa đạt chuẩn	Đạt chuẩn	Trên chuẩn	
Hiệu trưởng	1	1	0	0	0	1	
Phó hiệu trưởng	2	2	0	0	0	2	
Giáo viên	39	39	10	0	5	34	
Nhân viên	4	3	0	2	1	1	
Cộng	46	44	10	2	6	38	

b) Số liệu của 5 năm gần đây

TT	Số liệu	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023	Năm học 2023-2024
1	Tổng số giáo viên	34	38	38	38	39
2	Tỉ lệ trẻ em/ giáo viên (đối với)	16	13	11,5	11,5	11,6

	nhóm trẻ)					
3	Tỉ lệ trẻ em/ giáo viên (đối với lớp mẫu giáo không có trẻ bán trú)	0	0	0	0	0
4	Tỉ lệ trẻ em/giáo viên (đối với lớp mẫu giáo có trẻ em bán trú)	18,0	16,6	16,5	13,6	13,5
5	Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp huyện hoặc tương đương trở lên (nếu có)	14	17	17	14	14
6	Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh trở lên (nếu có)	5	5	6	5	5
7	Các số liệu khác (nếu có)					

4. Trẻ em

TT	Số liệu	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023	Năm học 2023-2024	Ghi chú
1	Tổng số trẻ em	595	590	563	518	503	
	- Nữ	298	298	292	268	244	
	- Dân tộc thiểu số	332	348	321	158	298	
2	Đối tượng chính sách	71	59	21	21		
3	Khuyết tật	0	1	3	3	2	
4	Tuyển mới	72	85	107	85	112	
5	Học 2 buổi/ngày	595	590	563	518	503	
6	Bán trú	595	590	563	518	503	
7	Tỉ lệ trẻ	31	30,9	31,8	25,9	26	

	em/lớp						
8	Tỉ lệ trẻ em/nhóm	26,8	26,1	21,4	21,6	23,1	
9	Trẻ em từ 03-12 tháng tuổi	0	0	0	0	0	
	Trẻ em từ 12-24 tháng tuổi	19	55	25	25	34	
	Trẻ em từ 24-36 tháng tuổi	142	102	125	105	105	
	Trẻ em từ 3-4 tuổi	138	147	118	133	122	
	Trẻ em từ 4-5 tuổi	137	145	141	110	133	
	Trẻ em từ 5-6 tuổi	159	141	154	145	109	

5. Các số liệu khác (nếu có)

.....

Phần II

TỰ ĐÁNH GIÁ

A. ĐẶT VẤN ĐỀ

1. Tình hình chung của nhà trường

Trường Mầm non xã Thanh Xương được thành lập năm 1996, được chia tách từ trường Phổ thông cơ sở xã Thanh Xương. Trường nằm trên địa bàn đội C17B – xã Thanh Xương - Huyện Điện Biên - Tỉnh Điện Biên. Khi mới thành lập trường, toàn bộ trường lớp là nhà tạm, chật hẹp, cơ sở vật chất nghèo nàn thiếu thốn. Đến năm 2003 trường được xây dựng kiên cố hóa bằng vốn 159 với 13 lớp nhưng vẫn thiếu các phòng chức năng và phòng làm việc. Năm 2015 trường được Phòng Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT) huyện Điện Biên bàn giao thêm 01 cơ sở mới ở khu dân cư Pom La xã Thanh Xương với đủ phòng chức năng, phòng hiệu bộ và 7 lớp có phòng học, phòng ngủ riêng biệt, công trình vệ sinh khép kín có đầy đủ trang thiết bị, đồ dùng, đồ chơi hiện đại được chuyển thành thành trung tâm trường. Tháng 8 năm 2018 trường được Phòng GD&ĐT huyện Điện Biên bàn giao thêm 01 cơ sở mới tại Đội 14, bản Pú Tửu xã Thanh Xương huyện Điện Biên.

Vị trí trung tâm trường và các điểm trường đặt ở khu dân cư phù hợp với quy hoạch phát triển giáo dục của địa phương. Có đường giao thông thuận lợi cho việc đưa đón trẻ tới trường, có hệ thống phòng, chống, cháy, nổ hiện đại đảm bảo yêu cầu. Trường có tổng diện tích là 9.224,9m² trong đó diện tích phòng học là 58,6m²/phòng, sân chơi có diện tích 2800,7m², có vườn cây cho trẻ hoạt động trải nghiệm và tổ chức các hoạt động giáo dục là 2395,2m², diện tích đất xây dựng là 4.029m². Cơ sở vật chất của nhà trường khang trang sạch đẹp, 04 điểm trường đều có tường xây bao quanh, có mái che, có cổng và biển trường đúng quy định. Trường có 20 nhóm lớp với đầy đủ trang thiết bị, phòng làm việc, phòng chức năng, 13/13 lớp mẫu giáo được trang bị máy tính cho trẻ làm quen, 100% cán bộ giáo viên biết ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và chăm sóc giáo dục trẻ.

Năm học 2023 - 2024 nhà trường có 20 nhóm trẻ và lớp mẫu giáo với 503 trẻ, trong đó có 06 nhóm trẻ 24-36 tháng với 139 trẻ; 14 lớp mẫu giáo với 364 trẻ. 100% trẻ được ăn bán trú tại trường và học 2 buổi/ngày, được chăm sóc - giáo dục theo Chương trình Giáo dục mầm non sửa đổi và làm quen với tiếng Anh do Bộ (GD&ĐT) ban hành. Chất lượng chăm sóc giáo dục (CSGD) trẻ hàng năm đạt trên 97%, đảm bảo an toàn tuyệt đối cho 100% trẻ, có biện pháp can thiệp phục hồi cho 100% trẻ suy dinh dưỡng và thấp còi, số trẻ suy dinh dưỡng và thấp còi đến cuối năm còn dưới 4%. Trường đạt nhiều thành tích cao trong hội thi ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT), làm đồ dùng đồ chơi tự tạo cấp tỉnh, cấp huyện; hội thi giáo viên dạy giỏi các cấp, giao lưu tài năng tuổi thơ cấp huyện.

Trải qua 2 năm sau khi được UBND tỉnh công nhận lại duy trì đạt chuẩn Quốc gia mức độ II sau 5 năm vào tháng 11/2021 theo Quyết định số 3063/QĐ-UBND ngày 26/11/2021 về việc công nhận và cấp Bằng công nhận cho các trường mầm non, tiểu học đạt chuẩn quốc gia, được Sở Giáo dục và Đào tạo

công nhận trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 3 (Quyết định số 2753/QĐ-SGDĐT ngày 25/11/2021) nhà trường luôn nỗ lực tham mưu, cải tạo cơ sở vật chất, nâng cao chất lượng đội ngũ, chất lượng nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục trẻ

Trong năm học vừa qua, nhà trường luôn nhận được sự chỉ đạo sát sao trực tiếp của phòng GD&ĐT huyện Điện Biên, của chính quyền địa phương cùng với sự nỗ lực cố gắng không ngừng của tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên (CBQL, GV, NV) trong nhà trường, do đó nhà trường đã đạt được nhiều thành tích xuất sắc: Tháng 11/2022 được UBND huyện công nhận cơ quan đơn vị đạt chuẩn văn hóa năm 2022. Năm học 2022-2023 Nhà trường được UBND tỉnh công nhận Tập thể Lao động xuất sắc, UBND huyện tặng Giấy khen, được Sở Giáo dục và Đào tạo tặng giấy khen có thành tích xuất sắc trong tổ chức địa điểm đặt Hội thi giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh năm học 2022-2023. Tổ chức Công đoàn đạt công đoàn Hoàn thành tốt nhiệm vụ có 01 công đoàn viên được Liên đoàn Lao động tỉnh tặng Bằng khen. Chi bộ Đảng trong nhà trường nhiều năm đạt chi bộ trong sạch vững mạnh.

Năm học 2022-2023 nhà trường có tổng số 46 CBQL, GV, NV (trong đó có 03 đồng chí cán bộ quản lý, 39 giáo viên, 04 nhân viên). Nhà trường có 32/39 giáo viên dạy giỏi các cấp đạt 82%, (trong đó GVĐG cấp trường 32 Giáo viên; GVĐG cấp huyện 11 giáo viên, cấp tỉnh 3 giáo viên). Có 04 tổ chuyên môn, 01 tổ văn phòng và các tổ chức đoàn thể khác có đầy đủ cơ cấu theo quy định. Đội ngũ cán bộ quản lý (CBQL) và giáo viên (GV) của trường nhiệt tình, năng động, sáng tạo, tâm huyết với nghề nghiệp, có tinh thần tự lực tự cường khắc phục khó khăn hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao. GV tích cực đổi mới phương pháp dạy học nhằm đáp ứng với yêu cầu đổi mới và nhiệm vụ giáo dục mầm non (GDMN) trong giai đoạn hiện nay. Trường có đội ngũ CBQL, GV, NV đủ theo Điều lệ trường mầm non. 100% giáo viên có trình độ đào tạo đạt chuẩn trở lên. Chất lượng đội ngũ GV, chất lượng CSGD trẻ được nâng lên và được khẳng định qua kết quả đánh giá chất lượng của từng năm học. Trong những năm qua các mặt hoạt động của nhà trường đều ổn định, phát triển bền vững, uy tín và vị thế của nhà trường đối với ngành học, với chính quyền địa phương và cha mẹ trẻ ngày một nâng lên đáp ứng đủ điều kiện duy trì trường mầm non đạt chuẩn quốc gia mức độ II, đạt chuẩn chất lượng giáo dục cấp độ 3.

2. Mục đích tự đánh giá

Trước yêu cầu thực tiễn về việc nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường, trường Mầm non xã Thanh Xương đã tiếp tục triển khai công tác tự đánh giá chất lượng giáo dục nhà trường.

Tự đánh giá là quá trình nhà trường tự kiểm tra, đánh giá trên cơ sở các tiêu chuẩn đánh giá theo Thông tư số 19/2018/TT-BGDĐT Ban hành quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường mầm non do Bộ GD&ĐT ban hành.

Mục đích của việc tự đánh giá nhằm giúp nhà trường xác định mức độ đáp ứng mục tiêu giáo dục trong từng giai đoạn, xây dựng kế hoạch cải tiến, nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ; Thông báo công khai với các cơ quan quản lý nhà nước và xã hội về thực trạng chất lượng giáo dục của nhà trường, giúp cho tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên nhận ra được những điểm mạnh, điểm yếu của trường. Từ đó có biện pháp điều chỉnh, khắc phục phù hợp để cải thiện chất lượng hoạt động của nhà trường trong những năm tiếp theo nhằm đáp ứng các tiêu chuẩn chất lượng quy định.

Thông qua việc tự đánh giá, nhận thức của tập thể CBQL, GV, NV về công tác đánh giá và nâng cao chất lượng chăm sóc giáo dục trong nhà trường được thay đổi theo chiều hướng tích cực. Quá trình đánh giá giúp công tác quản lý nhà trường ngày một chặt chẽ và quy củ. Công tác tự đánh giá thể hiện tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của nhà trường trong toàn bộ hoạt động giáo dục và nâng cao ý thức trách nhiệm của mỗi cá nhân trước nhiệm vụ được giao.

3. Tóm tắt quá trình và những vấn đề nổi bật trong hoạt động tự đánh giá.

Để triển khai và hoàn thành tốt công tác tự đánh giá, nhà trường đã huy động tất cả các nguồn lực sẵn có. Thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng gồm cán bộ chủ chốt, người đứng đầu, đại diện Đoàn Thanh niên, Công đoàn, Thanh tra nhân dân giáo viên cốt cán. Hội đồng tự đánh giá của trường tiến hành theo đúng quy trình tự đánh giá, có trách nhiệm xây dựng kế hoạch tổng thể và kế hoạch chi tiết, phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên, tổ chức hướng dẫn kỹ năng viết phiếu đánh giá tiêu chí, xác định nội hàm gợi ý tìm minh chứng cho từng nhóm. Hội đồng tự đánh giá được chia thành 05 nhóm, mỗi nhóm được phân công thu thập, xử lý và phân tích các minh chứng, nghiên cứu đánh giá 01 tiêu chuẩn.

Hoạt động tự đánh giá của nhà trường được thực hiện theo đúng quy trình Bộ GD&ĐT hướng dẫn gồm 7 bước sau:

Bước 1. Thành lập Hội đồng tự đánh giá.

Bước 2. Lập kế hoạch tự đánh giá.

Bước 3. Thu thập, xử lý và phân tích các minh chứng.

Bước 4. Đánh giá các mức độ đạt được theo từng tiêu chí.

Bước 5. Viết báo cáo tự đánh giá.

Bước 6. Công bố báo cáo tự đánh giá.

Bước 7. Triển khai các hoạt động sau khi hoàn thành báo cáo tự đánh giá.

Tất cả các bước trên đều được thực hiện đúng hướng dẫn và đảm bảo tính dân chủ, công khai khoa học.

Hội đồng tự đánh giá làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ và thảo luận để đi đến thống nhất; mọi quyết định có giá trị khi ít nhất 2/3 số thành viên trong Hội đồng tự đánh giá nhất trí.

Để báo cáo tự đánh giá đảm bảo tính chính xác, trung thực, khách quan, Hội đồng tự đánh giá đã tiến hành đánh giá bằng nhiều phương pháp khác nhau. Trong đó chủ yếu bằng phương pháp khảo sát thực tế tất cả các mặt hoạt động của nhà trường liên quan đến nội dung của 5 tiêu chuẩn, trong quá trình đánh giá nhà trường căn cứ vào các văn bản quy định kiểm định chất lượng GDMN do Bộ GD&ĐT ban hành để làm cơ sở cho việc tiến hành tự đánh giá. Ngoài ra, nhà trường còn sử dụng các phương tiện hỗ trợ khác (máy vi tính, máy in, máy ảnh, mạng Internet...) để khai thác thông tin, minh chứng và viết báo cáo.

Trong quá trình tự đánh giá, các nhóm công tác đã tiến hành thu thập, xử lý, phân tích các thông tin, minh chứng, đối chiếu với các tiêu chuẩn, tiêu chí theo Thông tư số 19/2018/TT-BGD&ĐT. Trên cơ sở đó phân tích đánh giá các điểm mạnh và điểm yếu để làm căn cứ xây dựng kế hoạch cải tiến tìm biện pháp để khắc phục những tồn tại nhằm cải tiến, nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường. Ban thư ký có trách nhiệm tập hợp các phiếu tự đánh giá theo từng tiêu chuẩn và viết báo cáo tự đánh giá, Sau khi viết báo cáo, nhà trường sẽ công khai báo cáo tự đánh giá, Căn cứ vào Thông tư 19/2018/TT- BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ GD&ĐT ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường mầm non. Căn cứ vào kết quả tự đánh giá nhà trường đạt cấp độ 3.

B. TỰ ĐÁNH GIÁ

I. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 1, 2 và 3

Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường

Mở đầu:

Trường Mầm non xã Thanh Xương có cơ cấu, tổ chức bộ máy theo đúng quy định của Điều lệ trường mầm non, có các tổ chức Đảng, đoàn thể phối hợp thực hiện nhiệm vụ theo chức năng, nhiệm vụ được giao và hoạt động có hiệu quả; có hiệu trưởng, 02 phó hiệu trưởng, các tổ chuyên môn và tổ văn phòng thực hiện tốt mọi nhiệm vụ theo quy định tại Điều lệ trường mầm non. Các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo được chia theo độ tuổi, học 2 buổi/ngày. Trường mầm non xã Thanh Xương hằng năm đã xây dựng kế hoạch phương hướng chiến lược, chiến lược phát triển nhà trường theo các giai đoạn và cụ thể theo từng năm học về công tác tổ chức và quản lý các hoạt động trong nhà trường phù hợp với mục tiêu giáo dục mầm non và các nguồn lực của nhà trường, định kỳ tiến hành rà soát, đánh giá, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường để đưa ra các giải pháp thực hiện cho phù hợp. Nhà trường thực hiện quản lý và sử dụng tài chính, tài sản, lưu trữ hồ sơ đầy đủ theo quy định. Hằng năm xây dựng kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ CBQL, GV, NV. Chỉ đạo các tổ chuyên môn xây dựng kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, chuyên đề góp phần nâng cao hiệu quả chất lượng chăm sóc giáo dục. Giáo viên đã căn cứ vào kế hoạch giáo dục nhà trường để xây dựng kế hoạch giáo dục của nhóm/lớp theo chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường và địa phương. Nhà trường luôn phân công nhiệm

vụ cho CBQL, GV, NV theo đúng năng lực, sở trường và phù hợp với điều kiện hoàn cảnh của từng đồng chí. Thực hiện tốt quy chế dân chủ trong cơ quan đơn vị, không có tình trạng đơn thư khiếu nại, đảm bảo các quyền lợi của CBQL, GV, NV đúng quy định. Hằng năm, nhà trường luôn đảm bảo tốt an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; phòng, chống tai nạn thương tích; phòng, chống cháy, nổ; không có hiện tượng, kỳ thị, hành vi bạo lực hay vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường.

Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường

Mức 1:

a) *Phù hợp với mục tiêu giáo dục mầm non được quy định tại Luật giáo dục, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường;*

b) *Được xác định bằng văn bản và cấp có thẩm quyền phê duyệt;*

c) *Được công bố công khai bằng hình thức niêm yết tại nhà trường hoặc đăng tải trên trang thông tin điện tử của nhà trường (nếu có) hoặc đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương, trang thông tin điện tử của phòng giáo dục và đào tạo.*

Mức 2:

Nhà trường có các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển.

Mức 3:

Định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển. Tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục), cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, cha mẹ trẻ và cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có Phương hướng chiến lược phát triển trường mầm non xã Thanh Xương giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 và Kế hoạch phát triển nhà trường năm học 2023-2024 phù hợp với mục tiêu giáo dục mầm non là giúp trẻ em phát triển về thể chất, tình cảm, trí tuệ, thẩm mỹ, hình thành những yếu tố đầu tiên của nhân cách, chuẩn bị cho trẻ em vào học lớp một được quy định tại Điều 104 Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 ngày 14/06/2019 [H1-1.1-01], phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn, sát với thực tế, phù hợp với các nguồn lực và điều kiện của nhà trường về cơ sở vật chất, đội ngũ CBQL, GV, NV và học sinh. Hằng năm, nhà trường căn cứ theo kế hoạch từng giai đoạn cụ thể hóa thành kế hoạch phát triển nhà trường theo từng năm học và đề ra phương hướng cho những năm tiếp theo [H1-1.1-02].

Căn cứ vào các văn bản hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ năm học của các cấp, báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ chính trị của Đảng ủy, căn cứ vào chỉ tiêu kế hoạch được giao. Nhà trường xây dựng kế hoạch số 76/KH -MNTX ngày 27/8/2021 về " Kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030"; Kế hoạch số 112/KH-MNTX ngày 10/9/2023 về "Kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2023-2024 được phòng GD&ĐT huyện Điện Biên phê duyệt để triển khai, thực hiện đảm bảo theo quy định [H1-1.1-01]; [H1-1.1-02].

Năm học 2023-2024 nhà trường làm tốt công tác công khai kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học, kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường theo giai đoạn và theo từng năm học tới toàn thể CBQL, GV, NV trong Hội nghị cán bộ, công chức, viên chức đầu năm học và được niêm yết trên bảng tin công khai [1.1-03], được đăng tải trên trang thông tin điện tử Website: <https://edu.viettel.vn/dbn-dienbien-mnthanhxuong> (<https://mnthanhxuong.huyendienbien.edu.vn>) để CBQL, GV, NV, cha mẹ trẻ và nhân dân cùng biết [1.1-04].

Mức 2:

Nhà trường có các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường như: Hội đồng trường, chịu trách nhiệm quyết định về phương hướng hoạt động của nhà trường, huy động và giám sát việc sử dụng các nguồn lực dành cho nhà trường [H1-1.1-05], Ban thanh tra nhân dân kiểm tra, giám sát các hoạt động của nhà trường, sử dụng tài chính, chế độ chính sách, thực hiện quy chế dân chủ trong nhà trường; kiểm tra nội bộ đánh giá chất lượng đội ngũ, chất lượng học sinh, chất lượng các hội thi; giám sát công tác xây dựng và sử dụng cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học đảm bảo thực hiện mục tiêu giáo dục [H1-1.1.06].

Mức 3:

Nhà trường định kỳ rà soát, đánh giá, bổ sung, điều chỉnh phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường. Tổ chức xây dựng phương hướng chiến lược phát triển nhà trường có sự tham gia của các thành viên Hội đồng trường [H1-1.1.07], thông qua việc kiểm tra các hoạt động thường niên của Hội đồng trường, sự tham gia của cha mẹ trẻ và cộng đồng [H1-1.1-05], sự tham gia CBQL, GV, NV thông qua Hội nghị cán bộ, công chức, viên chức đầu năm [H1-1.1-08]; [H1-1.1-09].

2. Điểm mạnh

Trong những năm qua nhà trường đã xây dựng phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường theo giai đoạn và được cụ thể thành kế hoạch thực hiện nhiệm vụ của nhà trường theo từng năm phù hợp với mục tiêu giáo dục mầm non, với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và nguồn lực của nhà trường, đưa ra các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển của nhà trường theo giai đoạn, kế hoạch thực hiện nhiệm vụ của nhà trường theo từng năm được phòng GD&ĐT phê duyệt và công khai niêm yết trên bảng tin, được đăng tải trên trang thông tin điện tử Website: <https://edu.viettel.vn/dbn-dienbien-mnthanhxuong>

(<https://mnthanhxuong.huyendienbien.edu.vn>) của nhà trường. Hằng năm định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh việc thực hiện phương hướng, chiến lược phát triển của nhà trường phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường và địa phương.

3. Điểm yếu: Không

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Hội đồng trường, Ban thanh tra nhân dân nâng cao chất lượng thực hiện các hoạt động kiểm tra giám sát định kỳ và thường xuyên các hoạt động thực hiện các chỉ tiêu phát triển nhà trường theo từng năm học	Hội đồng trường, Ban thanh tra nhân dân	Kế hoạch phát triển nhà trường theo từng năm học. Kế hoạch hoạt động của Hội đồng trường, Ban thanh tra nhân dân.	Trong năm học 2023 - 2024 và các năm tiếp theo.	Không

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3.

Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục) và các hội đồng khác

Mức 1:

- a) Được thành lập theo quy định;
- b) Thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định;
- c) Các hoạt động được định kỳ rà soát, đánh giá.

Mức 2:

Hoạt động có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ của nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Hội đồng trường được thành lập theo điểm b Khoản 1 Điều 9 thông tư 52/2020/TT-BGDĐT, ngày 31/12/2020 Thông tư Ban hành Điều lệ trường mầm non, gồm 11 thành viên theo Quyết định số 2857/QĐ-UBND ngày 22 tháng 11 năm 2021 của UBND huyện Điện Biên về việc công nhận Hội đồng trường mầm non xã Thanh Xương nhiệm kỳ 2021-2026 và Quyết định số 2847/QĐ-UBND ngày 04/10/2023 của Ủy ban nhân dân huyện về việc bổ sung thành viên Hội đồng trường mầm non xã Thanh Xương nhiệm kỳ 2021-2026, Hội đồng trường có 11 thành viên [H1-1.1-05]. Các Hội đồng khác do Hiệu trưởng thành lập theo quy định gồm: Hội đồng thi đua khen thưởng gồm 11 thành viên [H1-1.2-01]; Hội đồng chấm sáng kiến gồm 07 thành viên [H1-1.2-02]; Hội đồng biên soạn

Chương trình giáo dục nhà trường gồm 11 thành viên, Hội đồng thẩm định kế hoạch Chương trình giáo dục nhà trường gồm 7 thành viên [H1-1.2-04].

Hội đồng trường và các hội đồng khác thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều 9, Điều 11 Thông tư 52/2020/TT-BGDĐT, ngày 31/12/2020 Thông tư Ban hành Điều lệ trường mầm non. Hội đồng trường thực hiện Quyết nghị về mục tiêu chiến lược các phương hướng hoạt động của nhà trường, huy động và giám sát việc sử dụng các nguồn lực dành cho nhà trường. Quyết nghị về tổ chức, nhân sự, tài chính, tài sản của nhà trường, giới thiệu người đề bổ nhiệm làm hiệu trưởng, phó hiệu trưởng theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền. Hội đồng thi đua khen thưởng giúp hiệu trưởng tổ chức phong trào thi đua. Hội đồng chăm sóc kiến giúp hiệu trưởng đánh giá sáng kiến của giáo viên. Hội đồng chấm thi giáo viên dạy giỏi giúp hiệu trưởng đánh giá chất lượng chuyên môn của giáo viên. Hội đồng biên soạn và thẩm định chương trình giáo dục nhà trường xem xét, đánh giá và đưa ra kết luận việc thực hiện nội dung chương trình giáo dục nhà trường của từng độ tuổi [H1-1.2-05].

Hội đồng trường và các hội đồng khác định kỳ rà soát đánh giá, điều chỉnh bổ sung nội dung các hoạt động cho phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường và địa phương [H1-1.1-05]; [H1-1.2-01]; [H1-1.2-02]; [H1-1.2-03]; [H1-1.2-04]; [H1-1.2-05].

Mức 2:

Hội đồng trường và các hội đồng khác duy trì hoạt động tích cực có hiệu quả theo đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, được đánh giá cao trong việc góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ của nhà trường như kiểm tra, giám sát, đôn đốc việc thực hiện kế hoạch nhiệm vụ năm học và phương hướng phát triển của nhà trường; thường xuyên tham mưu với chính quyền, các đoàn thể địa phương, tích cực tuyên truyền tới các bậc phụ huynh nâng cao công tác chăm sóc giáo dục. Đảm bảo công tác xã hội hoá, huy động nguồn lực, vật lực xây dựng các tiêu chí trường chuẩn quốc gia và tiếp tục duy trì chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi [H1-1.2-05].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có Hội đồng trường và các hội đồng khác được thành lập theo quy định; các hội đồng thực hiện đầy đủ các chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều lệ trường mầm non, được định kỳ rà soát đánh giá, điều chỉnh bổ sung nội dung hoạt động cho phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường và địa phương góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục trẻ của nhà trường.

3. Điểm yếu: Không.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
--	---------------------------	-------------------------------	----------------------------	-------------------------

Kiên toàn hội đồng trường và thành lập các hội đồng khác theo quy định	UBND huyện, Hiệu trưởng,	Nhà trường có đầy đủ các tổ chức Đoàn thể, Đại diện chính quyền địa phương, phụ huynh.	Tháng 9/2023	Không
Hội đồng trường và các Hội đồng khác tiếp tục phát huy hơn nữa hiệu quả hoạt động, kiểm tra giám sát góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ của nhà trường.	Các thành viên trong Hội đồng trường; Hội đồng thi đua khen thưởng; Hội đồng chấm thi GV giỏi. Hội đồng biên soạn và thẩm định Chương trình Giáo dục nhà trường.	Phân công nhiệm vụ, các quyết định thành lập.	Năm học 2023-2024 và các năm học tiếp theo	Không

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường

Mức 1:

a) Các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường có cơ cấu tổ chức theo quy định;

b) Hoạt động theo quy định;

c) Hàng năm, các hoạt động được rà soát, đánh giá.

Mức 2:

a) Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 01 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;

b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp tích cực cho các hoạt động của nhà trường.

Mức 3:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có ít nhất 02 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;

b) Các đoàn thể, tổ chức khác đóng góp hiệu quả cho các hoạt động của nhà trường và cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có tổ chức Công đoàn gồm 46 công đoàn viên; Có Ban chấp hành Công đoàn gồm 01 Chủ tịch và 04 ủy viên [H1-1.3-01]; Có 01 chi Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh gồm Bí thư chi đoàn và 13 đoàn viên, có 01 Bí thư chi đoàn, 01 phó Bí thư chi đoàn và 01 ủy viên BCHCD [H1-1.3-02].

Hàng năm Công đoàn, Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh và các đoàn thể, tổ chức khác hoạt động theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công đoàn, Điều lệ Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh giúp nhà trường thực hiện tốt mục tiêu, kế hoạch giáo dục đề ra [H1-1.3-01]; [H1-1.3-02].

Trong những năm qua các hoạt động của tổ chức, đoàn thể nhà trường thường xuyên được rà soát, kiểm tra, đánh giá nhằm nâng cao chất lượng hoạt động một cách hiệu quả [H1-1.3-03].

Mức 2:

Nhà trường có 01 chi bộ Đảng độc lập gồm Bí thư chi bộ, phó bí thư và 27 đảng viên [H1-1.3-04], hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam [H1-1.3-05]. Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, chi bộ nhà trường được Đảng ủy xã Thanh Xương đánh giá 04 năm hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ và 01 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ [H1-1.3-06]; [H1-1.3-07].

Hàng năm các đoàn thể, tổ chức khác tích cực phối kết hợp với nhà trường thực hiện đảm bảo chỉ tiêu, kế hoạch đề ra góp phần nâng cao chất lượng hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ, chất lượng giáo viên, chất lượng các hội thi, các hoạt động phong trào của nhà trường [H1-1.3-08].

Mức 3:

Trong 2 năm liên tiếp Chi bộ nhà trường được đánh giá đạt chi bộ trong sạch, vững mạnh, 01 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, trong đó năm 2022 chi bộ hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, có 5 đảng viên được Đảng ủy xã Thanh Xương tặng giấy khen [H1-1.3-06]; [H1-1.3-07].

Các đoàn thể và các tổ chức khác của nhà trường hàng năm đều có những đóng góp tích cực vào các hoạt động của nhà trường và cộng đồng mang lại hiệu quả cao trong quá trình hoạt động như: Các ngày lễ hội, các cuộc giao lưu, hội thi của giáo viên và trẻ [H1-1.3-08]; [H1-1.3-09]; [H1-1.3-10].

2. Điểm mạnh

Trường có Chi bộ Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác như: Tổ chức Công đoàn, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh đều có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định, hàng năm được rà soát đánh giá làm tốt công tác tham mưu, tích cực phối kết hợp với nhà trường tổ chức tốt các hoạt động của trường và cộng đồng, góp phần thực hiện thắng

lợi mục tiêu giáo dục. Trong 2 năm liên tiếp Chi bộ nhà trường được đánh giá chi bộ trong sạch, vững mạnh, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, trong đó năm 2021 được Đảng ủy xã Thanh Xương tặng giấy khen.

3. Điểm yếu: Không

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Chi bộ xây dựng quy chế hoạt động của các tổ chức, đoàn thể đảm bảo theo quy định, các đoàn thể, tổ chức khác phối hợp thực hiện tốt các hoạt động của nhà trường. Tích cực học tập trao đổi kinh nghiệm với các đơn vị bạn, đưa ra các giải pháp đổi mới hình thức tổ chức các hoạt động phù hợp, góp phần nâng cao chất lượng về mọi mặt của nhà trường.	Chi bộ trường mầm non xã, các tổ chức đoàn thể.	Phân công nhiệm vụ, quy chế hoạt động.	Trong các năm học 2023-2024, trong nhiệm kỳ.	Không
Tổ chức các buổi chuyên đề, lấy ý kiến thảo luận, đề xuất các ý tưởng đổi mới của các thành viên	Bí thư chi bộ, chủ tịch Công đoàn, bí thư Đoàn Thanh niên	Các đảng viên, đoàn viên Đoàn Thanh niên	Năm học 2023-2024	Không
Phân công đảng viên giúp đỡ bồi dưỡng đoàn viên ưu tú để kết nạp Đảng	Bí thư chi bộ	Các Đảng viên, Đoàn viên ưu tú	Năm học 2023-2024	Không

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3

Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng

Mức 1:

- a) Có hiệu trưởng, số lượng phó hiệu trưởng theo quy định;
- b) Tổ chuyên môn và tổ văn phòng có cơ cấu tổ chức theo quy định;
- c) Tổ chuyên môn, tổ văn phòng có kế hoạch hoạt động và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định.

Mức 2:

- a) Hằng năm, tổ chuyên môn đề xuất và thực hiện được ít nhất 01 (một) chuyên đề chuyên môn có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục;

b) Hoạt động của tổ chuyên môn và tổ văn phòng được định kỳ rà soát, đánh giá, điều chỉnh.

Mức 3:

a) Hoạt động của tổ chuyên môn và tổ văn phòng có đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường;

b) Tổ chuyên môn thực hiện hiệu quả các chuyên đề chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có 01 hiệu trưởng; 02 phó hiệu trưởng, đủ theo quy định tại Thông tư liên tịch số 06/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16/3/2015 quy định về danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở GDMN công lập [H1-1.4-01]; [H1-1.4-02].

Nhà trường có 04 tổ chuyên môn gồm: 01 tổ Nhà trẻ với 12 thành viên, 01 tổ mẫu giáo Bé với 8 thành viên; 01 tổ mẫu giáo Nhỡ với 10 thành viên; 01 tổ mẫu giáo lớn với 8 thành viên, 01 tổ văn phòng gồm có 04 thành viên [H1-1.4-03]. Các tổ chuyên môn đều có tổ trưởng và tổ phó, tổ văn phòng có tổ trưởng theo quy định tại Điều lệ trường mầm non [H1-1.4-04].

Hàng năm tổ chuyên môn, tổ văn phòng xây dựng kế hoạch hoạt động theo năm học, tháng. Tổ chuyên môn, tổ văn phòng thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ như: Bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho các tổ viên; kiểm tra, đánh giá chất lượng, hiệu quả công tác nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ; quản lý việc sử dụng tài liệu, đồ dùng, đồ chơi, thiết bị giáo dục, hồ sơ sổ sách; việc thực hiện quy chế chuyên môn; tham gia đánh giá xếp loại cán bộ quản lý, giáo viên theo chuẩn nghề nghiệp GVMN, đánh giá viên chức; tổ chức sinh hoạt chuyên môn định kỳ 2 lần/tháng theo quy định [H1-1.4-05].

Mức 2:

Tổ chuyên môn căn cứ vào các kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học của nhà trường và tình hình thực tế của tổ để đề xuất các chuyên đề chuyên môn với nhà trường. Trong năm học tổ chuyên môn đã đề xuất xây dựng được nhiều chuyên đề, các tiết chuyên đề được xây dựng từ những đề xuất thực tế của GV, qua việc tổ chức các tiết chuyên đề để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho đội ngũ giáo viên. Các chuyên đề tổ đã đề xuất trong năm học 2023-2024 như: Sinh hoạt chuyên môn theo nghiên cứu bài học; học tập cộng đồng dựa trên sinh hoạt chuyên môn theo nghiên cứu bài học; sử dụng bộ công cụ ELM vào tổ chức các hoạt động giáo dục; chuyên đề giáo dục kỹ năng sống, chuyên đề giáo dục về giới; kỹ năng phòng chống thiên tai và tai nạn thương tích cho trẻ trong trường mầm non, chuyên đề kỹ năng phòng chống cháy nổ, chuyên đề ứng dụng phương pháp dạy học tích cực của các nước tiên tiến, chuyên đề ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong quản lý, chăm sóc giáo dục trẻ, tiếp tục thực hiện chuyên đề "Học tập và làm theo tư tưởng đạo đức phong cách Hồ Chí Minh"; chuyên đề tăng

cường tiếng Việt, giao lưu “Tôi yêu Việt Nam” các chuyên đề được tổ chức thiết thực góp phần nâng cao chất lượng hiệu quả giáo dục trong nhà trường [H1-1.4-05].

Hàng năm các tổ chuyên môn, tổ văn phòng tổ chức hoạt động theo đúng kế hoạch được định kỳ rà soát, kiểm tra, đánh giá từ đó có sự điều chỉnh bổ sung kế hoạch các tháng tiếp theo cho phù hợp với điều kiện thực tế của tổ [H1-1.4-05]; [H1-1.4-06].

Mức 3:

Hoạt động của tổ chuyên môn và tổ văn phòng có đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường như: Tổ chức các chuyên đề, xây dựng khâu phân, thực đơn đảm bảo dinh dưỡng cho trẻ, phối hợp tổ chức tốt các hội thi, các hoạt động tham quan, lễ hội; thực hiện bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ 2 lần/tháng theo quy định, kiểm tra, đánh giá chất lượng, hiệu quả công tác nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ và quản lý sử dụng tài liệu, đồ dùng, đồ chơi, thiết bị dạy học của tổ, tham gia đánh giá chuẩn nghề nghiệp GV, đánh giá nhân viên theo quy định; góp phần nâng cao chất lượng các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ của nhà trường [H1-1.4-05].

Trong năm học các tổ chuyên môn triển khai thực hiện hiệu quả các chuyên đề đã đề xuất với nhà trường góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ [H1-1.4-05].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có 01 hiệu trưởng, 02 phó hiệu trưởng đủ số lượng theo quy định tại Thông tư liên tịch 06/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16/3/2015 quy định về danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở GDMN công lập. Có 04 tổ chuyên môn và 01 tổ văn phòng. Tổ chuyên môn và tổ văn phòng xây dựng kế hoạch hoạt động của tổ theo năm học và theo tháng, định kỳ sinh hoạt chuyên môn 2 lần/tháng theo quy định của Điều lệ trường mầm non, tổ chức các hoạt động có hiệu quả góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ. Định kỳ thực hiện rà soát, đánh giá, điều chỉnh bổ sung các hoạt động phù hợp với tình hình thực tế của đơn vị.

3. Điểm yếu: Không

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Tổ chức có hiệu quả sinh hoạt chuyên môn, chuyên đề tổ theo nghiên cứu bài học. Đổi mới nội dung sinh hoạt tổ chuyên môn: Dành thời gian để	Phó hiệu trưởng, Tổ trưởng chuyên môn, GV.	Kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn.	Năm học 2023-2024	Không

trao đổi thảo luận về đổi mới phương pháp giảng dạy lấy trẻ làm trung tâm, ứng dụng CNTT trong các hoạt động...				
Các tổ chuyên môn chủ động tích cực hơn trong việc đề xuất nội dung sinh hoạt chuyên đề để nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trong nhà trường.	CBQL, tổ trưởng, các thành viên tổ chuyên môn, văn phòng.	Kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn.	Năm học 2023-2024	Không
Kiểm tra đột xuất và định kỳ về thực hiện nhiệm vụ chuyên môn của giáo viên.	Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, Ban thanh tra nhân dân.	Kế hoạch kiểm tra nội bộ.	Năm học 2023-2024	Không

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3

Tiêu chí 1.5: Tổ chức nhóm trẻ và lớp mẫu giáo

Mức 1:

a) Các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo được phân chia theo độ tuổi; trong trường hợp số lượng trẻ trong mỗi nhóm, lớp không đủ 50% so với số trẻ tối đa quy định tại Điều lệ trường mầm non thì được tổ chức thành nhóm trẻ ghép hoặc lớp mẫu giáo ghép;

b) Các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo được tổ chức học 02 buổi trên ngày;

c) Mỗi nhóm trẻ, lớp mẫu giáo có không quá 02 (hai) trẻ cùng một dạng khuyết tật.

Mức 2:

Số trẻ trong các nhóm trẻ và lớp mẫu giáo không vượt quá quy định và được phân chia theo độ tuổi.

Mức 3:

Nhà trường có không quá 20 (hai mươi) nhóm trẻ, lớp mẫu giáo.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Trong những năm học vừa qua các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo của nhà trường được phân chia theo độ tuổi và lớp ghép theo quy định của Điều lệ trường mầm non. Năm học 2023-2024 nhà trường có 20 nhóm trẻ/lớp mẫu giáo với 503 trẻ, trong đó: 06 nhóm trẻ với 139 trẻ, 05 lớp mẫu giáo bé với 122 trẻ, 04 lớp mẫu giáo nhỡ với 133 trẻ, 03 lớp mẫu giáo lớn với 95 trẻ, 01 lớp mẫu giáo ghép 3-4 tuổi với 20 trẻ, 01 lớp mẫu giáo ghép 4-5 tuổi với 28 trẻ do khoảng cách ở các điểm trường xa, số lượng trẻ trong mỗi nhóm lớp không đủ 50% số trẻ theo số lượng tối đa theo quy định tại Điều lệ trường mầm non để bố trí thành lớp đơn, nên được tổ chức

thành 02 lớp mẫu giáo ghép [H1-1.5-01].

100% các nhóm, lớp được tổ chức ăn bán trú học 2 buổi/ngày đảm bảo theo quy định [H1-1.5-02].

Nhà trường đã huy động được 100% trẻ khuyết tật ra lớp học hòa nhập. Năm học 2023-2024 huy động được 02 trẻ khuyết tật ra lớp được học hòa nhập tại lớp mẫu giáo nhỡ C17, không có nhóm/lớp nào vượt quá 02 trẻ cùng một dạng khuyết tật [H1-1.5-03].

Mức 2:

Hàng năm số trẻ trong các nhóm trẻ/lớp mẫu giáo được phân chia theo độ tuổi lớp mẫu giáo đơn và lớp mẫu giáo ghép đảm bảo theo quy định tại Thông tư số 52/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 của Bộ GD&ĐT ban hành Điều lệ trường mầm non [H1-1.5-01].

Mức 3:

Năm học 2023-2024 nhà trường có 20 (hai mươi) nhóm trẻ, lớp mẫu giáo đảm bảo không vượt quá theo quy định [H1-1.5-01].

2. Điểm mạnh

100% các lớp được học 2 buổi/ngày và ăn bán trú tại trường. Năm học 2023-2024 nhà trường đã duy trì huy động được 100% trẻ khuyết tật ra lớp học hòa nhập và không có năm nào vượt quá 20 (hai mươi) nhóm trẻ, lớp mẫu giáo.

3. Điểm yếu

Nhà trường còn 02 lớp mẫu giáo ghép chưa phân chia được theo độ tuổi do khoảng cách ở các điểm trường xa, số lượng trẻ ít, không đủ 50% số trẻ theo số lượng tối đa quy định tại Điều lệ trường mầm non để bố trí thành lớp đơn.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Xây dựng kế hoạch phương hướng chiến lược phát triển nhà trường và giao chỉ tiêu huy động trẻ cho từng giáo viên đảm bảo số học sinh/lớp mẫu giáo đơn theo quy định.	Hiệu trưởng	Dân số trẻ trên địa bàn; CSVC, đội ngũ giáo viên đủ theo quy định	Năm học 2023-2024	Không
Tăng cường tuyên truyền cho trẻ học đúng tuyên tại các điểm trường bằng các hình thức: tuyên truyền qua các buổi họp Hội đồng nhân dân xã, các buổi họp phụ huynh, qua trường	CBQL, giáo viên, cha mẹ trẻ	Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học. Kế hoạch giáo dục trẻ em.	Trong các năm học tiếp theo	Không

thôn đội bản tuyên truyền tới cha mẹ cho trẻ học tại ở các điểm trường, để đảm bảo đủ số lượng trẻ ở điểm trường, giảm lớp mẫu giáo ghép, bố trí sắp xếp phù hợp cho trẻ học theo độ tuổi đúng quy định.		Phân công nhiệm vụ hàng năm		
--	--	-----------------------------	--	--

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3

Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản

Mức 1:

a) Hệ thống hồ sơ của nhà trường được lưu trữ theo quy định;

b) Lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản; công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định; quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành;

c) Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục.

Mức 2:

a) Ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán.

Mức 3:

Có kế hoạch ngắn hạn, trung hạn, dài hạn để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có đầy đủ các loại hồ sơ sổ sách đảm bảo theo quy định của Điều lệ trường mầm non. Hệ thống hồ sơ của nhà trường được lưu trữ đầy đủ theo quy định tại mục 1 chương II của Luật Lưu trữ bao gồm các hồ sơ như: Hồ sơ quản lý trẻ em [H1-1.5-01]; hồ sơ quản lý CBQL, GV, NV [H1-1.6-01]; kế hoạch phát triển nhà trường năm học 2023-2024 [H1-1.1-02]; kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục theo năm học [H1-1.5-02]; hồ sơ phổ cập giáo dục [H1-1.6-02]; hồ sơ quản lý tài sản, tài chính [1.6-03]; hồ sơ quản lý các văn bản [H1-1.6-04].

Nhà trường lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán thống kê, báo cáo tài chính và tài sản đúng quy định [H1-1.6-05]; công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định [H1-1.6-06]; quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành [H1-1.6-07].

Hàng năm nhà trường làm tốt công tác quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động chăm sóc giáo dục [H1-1.2-05].

Mức 2:

Trong các năm học qua việc hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin chất lượng và hiệu quả là thế mạnh của nhà trường trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường. Hệ thống máy tính được kết nối mạng Internet, sử dụng phần mềm Misa phục vụ cho công tác quản lý hành chính, tài chính, tài sản, sử dụng phần mềm phổ cập và cơ sở dữ liệu quốc gia quản lý hành chính và nhân sự và trẻ trong các hoạt động giáo dục của nhà trường, sử dụng trang hồ sơ công việc quản lý hệ thống văn bản trao đổi công việc, sử dụng trang Website công thông tin điện tử để công khai các hoạt động của trường và tuyên truyền về công tác chăm sóc giáo dục của nhà trường [1.6-08].

Tính đến thời điểm đánh giá nhà trường được Phòng giáo dục kiểm tra đánh giá, kết luận thực hiện tốt việc quản lý hành chính, tài chính, tài sản, lưu trữ các chứng từ đầy đủ, khoa học không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính, tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán [1.6-03]; [H1-1.6-06].

Mức 3:

Nhà trường đã xây dựng kế hoạch ngắn hạn, trung hạn, dài hạn để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương và các quy định của pháp luật như: Kế hoạch vận động tài trợ xã hội hóa giáo dục theo từng năm học, đề án vị trí việc làm [H1-1.6-09]; kế hoạch phát triển nhà trường năm học 2023-2024 [H1-1.1-02]; kế hoạch tài chính trung hạn giai đoạn 2018-2021 [H1-1.6-10]; phương hướng chiến lược phát triển trường mầm non xã Thanh Xương giai đoạn 2021-2026, định hướng đến năm 2030 [H1-1.1-01]; kế hoạch tài chính dài hạn giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030 [H1-1.6-11]; kế hoạch phát triển quy mô giáo dục mầm non giai đoạn 2015-2018 định hướng đến năm 2030 [H1-1.6-12]; nhà trường quản lý, sử dụng có hiệu quả các nguồn tài chính từ ngân sách nhà nước cấp và kinh phí xã hội hóa giáo dục; khai thác và sử dụng có hiệu quả CSVC hiện có để phục vụ cho các hoạt động giáo dục [H1-1.2-05].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đầy đủ các loại hồ sơ được lưu trữ đầy đủ theo quy định của Luật lưu trữ. Hàng năm đã làm tốt công tác lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản; công khai và định kỳ tự kiểm tra theo quy định; quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành. Có kế hoạch ngắn hạn, trung hạn, dài hạn để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương. Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động chăm sóc giáo dục. Nhà trường sử dụng có hiệu quả việc ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý hành chính, tài chính và

tài sản của nhà trường. Trong năm học nhà trường được các cấp kiểm tra đánh giá, kết luận không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính, tài sản.

3. Điểm yếu: Không

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Quản lý, lưu trữ hệ thống hồ sơ sổ sách khoa học hơn, ứng dụng công nghệ kỹ thuật số, CNTT trong quản lý hành chính, tài sản, cơ sở vật chất, hàng năm thu thập lưu trữ minh chứng về hồ sơ sổ sách.	CBQL, GV, NV	Hệ thống hồ sơ sổ sách nhà trường.	Năm 2023-2024	Không
Duy trì và làm tốt công tác quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động chăm sóc giáo dục.	CBQL, kế toán, tổ chuyên môn, tổ văn phòng	Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học, số lượng giáo viên, học sinh, CSVC.	Năm 2023-2024 và trong các năm học tiếp theo	Không
Xây dựng kế hoạch vận động tài trợ tuyên truyền tới nhân dân, các đoàn thể, các tổ chức chính trị xã hội, các doanh nghiệp, các cá nhân và các bậc cha mẹ trẻ về công tác xã hội hóa giáo dục nhằm nâng cao chất lượng CSGD trẻ.	Hiệu trưởng, kế toán,	Cha mẹ trẻ, các đoàn thể, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân, học sinh, CSVC.	Năm học 2023-2024 và các năm tiếp theo	Không

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3

Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên

Mức 1:

a) Có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên;

b) Phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý, đảm bảo hiệu quả hoạt động của nhà trường;

c) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được đảm bảo các quyền theo quy định.

Mức 2:

Có biện pháp để phát huy được năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, bồi dưỡng thường xuyên cho đội ngũ GV và nhân viên, mỗi CBQL, GV đều có kế hoạch tự bồi dưỡng thường xuyên [H1-1.4-05].

Hàng năm nhà trường thực hiện phân công nhiệm vụ, sử dụng CBQL, GV, NV đảm bảo hợp lý, phù hợp với năng lực sở trường công tác, đảm bảo hiệu quả nhằm phát huy khả năng của mỗi cá nhân trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường được công khai rõ ràng trên bản tin và trang website trang cổng thông tin điện tử của nhà trường [H1-1.7-01].

Hàng năm hiệu trưởng và các phó hiệu trưởng được hưởng chế độ phụ cấp và các chính sách ưu đãi theo quy định của Điều 10 Hàng năm hiệu trưởng và các phó hiệu trưởng được hưởng chế độ phụ cấp và các chính sách ưu đãi theo quy định. 100% GV, nhân viên được đảm bảo các quyền: Được hưởng tiền lương, phụ cấp, trợ cấp và các chế độ khác theo quy định của pháp luật [1.6-03]; được tôn trọng và bảo vệ nhân phẩm, danh dự, thân thể, được hưởng các quyền lợi về vật chất và tinh thần; tự chủ về chuyên môn, được đảm bảo các điều kiện để thực hiện nhiệm vụ nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em; được tạo điều kiện học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, được khen thưởng tặng danh hiệu thi đua và các danh hiệu cao quý khác, các quyền khác theo quy định của pháp luật được quy định tại Điều 29 Thông tư 52/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ trường mầm non [H1-1.2-05]; [H1-1.3-08].

Mức 2:

Trong các năm qua nhà trường có các biện pháp để phát huy năng lực của CB, GV, NV như: Phân công nhiệm vụ cụ thể, phù hợp với năng lực của từng người; tăng cường tuyên truyền, giáo dục viên chức, người lao động nâng cao nhận thức, ý thức; nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý chỉ đạo; bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho giáo viên; tiếp tục đổi mới công tác thi đua khen thưởng gắn với kết quả thực hiện nhiệm vụ; tổ chức có hiệu quả các hoạt động giáo dục góp phần phát triển và nâng cao chất lượng toàn diện của nhà trường [H1-1.2-05].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có kế hoạch bồi dưỡng thường xuyên, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ CBQL, GV, NV, tạo điều kiện cho CBQL, GV, NV theo học các lớp nâng cao trình độ. Nhà trường phân công nhiệm vụ phù hợp với khả năng, năng lực của từng người đảm bảo hợp lý, hiệu quả trong các hoạt động của nhà trường. 100% CBQL, GV, NV được bảo đảm các quyền theo quy định. Có

biện pháp để phát huy được năng lực của người trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường.

3. Điểm yếu: Không

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Xây dựng kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ và sinh hoạt chuyên đề cho GV theo hướng nghiên cứu bài học có chất lượng.	CBQL, tổ trưởng, GV.	Kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn.	Năm học 2023-2024 và các năm học tiếp theo.	Không
Đảm bảo đầy đủ các quyền lợi cho CBQL, GV, NV theo quy định.	CBQL, GV.	Điều lệ trường mầm non. Các văn bản quy định chế độ chính sách cho CBQL, GV, NV.	Năm học 2023-2024 và các năm học tiếp theo.	Không

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2.

Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục

Mức 1:

a) Kế hoạch giáo dục phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường;

b) Kế hoạch giáo dục được thực hiện đầy đủ;

c) Kế hoạch giáo dục được rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời.

Mức 2:

Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ, được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Hằng năm, nhà trường căn cứ vào Chương trình GDMN do Bộ GD&ĐT ban hành để chỉ đạo xây dựng chương trình giáo dục nhà trường, năm học 2023-2024 nhà trường xây dựng chương trình giáo dục nhà trường theo Thông tư 01/TT-BGDĐT ngày 13/4/2021 của Bộ GD&ĐT Văn bản hợp nhất ban hành Chương trình Giáo dục mầm non, lựa chọn mục tiêu, nội dung, hoạt động phù hợp với nhận thức của học sinh, đảm bảo mục tiêu cuối độ tuổi, phù hợp với điều kiện của lớp, của trường và địa phương [H1-1.2-04]; [H1-1.5-02].

Nhà trường chỉ đạo giáo viên xây dựng và thực hiện đầy đủ kế hoạch giáo dục của nhóm, lớp, đảm bảo đạt hiệu quả tốt các hoạt động CSGD trẻ theo quy định của trường, của ngành và địa phương [H1-1.5-02].

Nhà trường, tổ chuyên môn phối hợp định kỳ kiểm tra, rà soát, đánh giá và điều chỉnh kế hoạch giáo dục kịp thời cho phù hợp với điều kiện thực tế của từng nhóm, lớp [H1-1.4-06].

Mức 2:

Trong năm học nhà trường xây dựng kế hoạch kiểm tra nội bộ, kiểm tra đánh giá các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ của từng nhóm, lớp, được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả. Chất lượng CSGD trẻ qua từng chủ đề/tháng được nâng lên một cách rõ rệt, được thể hiện qua các đợt kiểm tra chất lượng trẻ cuối năm học và các hội thi của trẻ trong các năm học luôn được khen thưởng, đạt kết quả cao [H1-1.8-01].

2. Điểm mạnh

Nhà trường xây dựng kế hoạch giáo dục sát với chương trình giáo dục mầm non do Bộ GD&ĐT ban hành, đảm bảo phù hợp với phù hợp với khả năng, năng lực của từng trẻ, với điều kiện của lớp, của trường và địa phương, triển khai thực hiện kế hoạch đầy đủ, hiệu quả. Đồng thời đưa ra các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá, điều chỉnh kế hoạch kịp thời phù hợp với tình hình thực tế. Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả.

3. Điểm yếu: Không

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Ban giám hiệu tiếp tục chỉ đạo tăng cường công tác tự học tự bồi dưỡng nâng cao năng lực chăm sóc giáo dục trẻ của đội ngũ nhà giáo	CBQL, tổ chuyên môn, GV.	Phương hướng chiến lược phát triển nhà trường theo từng năm học, kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn.	Năm học 2023-2024 và các năm tiếp theo	Không
Thực hiện phát triển chương trình phù hợp với điều kiện của trường: Tổ chức cho trẻ mẫu giáo làm quen với tiếng Anh, ứng dụng công nghệ số trong dạy và học, xây dựng	CBQL, tổ chuyên môn, GV.	Kế hoạch giáo dục nhà trường. Kế hoạch giáo dục trẻ.	Năm học 2023-2024 và các năm tiếp theo.	Không

chương trình phù hợp với bối cảnh địa phương, xây dựng bộ công cụ đánh giá việc thực hiện Chương trình giáo dục mầm non.				
Xây dựng kế hoạch kiểm tra định kỳ và kiểm tra đột xuất, kịp thời tư vấn, thúc đẩy việc thực hiện kế hoạch giáo dục của giáo viên tại các nhóm lớp.	CBQL, tổ trưởng chuyên môn, GV cốt cán.	Phương hướng phát triển nhà trường theo từng năm học, kế hoạch kiểm tra nội bộ.	Năm học 2023-2024 và các năm tiếp theo.	Không

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở

Mức 1:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường;

b) Các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh (nếu có) thuộc thẩm quyền xử lý của nhà trường được giải quyết đúng pháp luật;

c) Hằng năm, có báo cáo thực hiện quy chế dân chủ cơ sở.

Mức 2:

Các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ trong nhà trường đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Hằng năm, CBQL, GV, NV trong trường được tham gia, thảo luận đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định và quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường tại Hội nghị cán bộ viên chức đầu năm như: Các mục tiêu, nhiệm vụ, phương hướng chiến lược phát triển nhà trường các quy chế dân chủ, quy tắc ứng xử văn hóa trường học [H1-1.1-08]; [H1-1.9-01]; quy chế chuyên môn, quy chế quản lý tài sản, thực hiện huy động trẻ ra lớp và các quy định khác liên quan đến các hoạt động của nhà trường [H1-1.1-05]; [H1-1.1-06].

Nhà trường luôn thực hiện tốt, đầy đủ các chế độ chính sách theo quy định, đúng pháp luật, không có đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của CBQL, GV, NV, cha mẹ trẻ trong việc thực hiện nhiệm vụ giáo dục và các hoạt động khác của nhà trường [H1-1.3-09].

Hằng năm nhà trường làm tốt công tác báo cáo kịp thời lên cấp trên về kết quả thực hiện quy chế dân chủ tại đơn vị, có các biện pháp và cơ chế giám sát

việc thực hiện quy chế dân chủ trong nhà trường đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả [H1-1.9-01].

Mức 2:

Hội đồng trường và Ban thanh tra nhân dân của nhà trường giám sát việc thực hiện Quy chế dân chủ như: Công khai chất lượng chăm sóc giáo dục, chất lượng đội ngũ, chất lượng trẻ, tài chính, tài sản, các kế hoạch của nhà trường, thi đua, nâng lương, công tác Đảng, các văn bản liên quan đến chế độ chính sách cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và kết quả xã hội hóa một cách công khai, minh bạch trên bảng tin, bảng công khai, báo cáo tổng kết năm học của nhà trường [H1-1.1-05]; [H1-1.1-06].

2. Điểm mạnh

Hàng năm CBQL, GV, NV trong nhà trường được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy chế của nhà trường. Trường không có đơn thư khiếu nại, tố cáo; có biện pháp, cơ chế giám sát việc thực hiện theo quy định, đảm bảo công khai, minh bạch dưới mọi hình thức trong các hoạt động của nhà trường. Hàng năm, nhà trường báo cáo việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở với phòng GD&ĐT đúng quy định. Hội đồng trường và Ban thanh tra nhân dân có các biện pháp, cơ chế giám sát việc thực hiện theo quy định, đảm bảo công khai, minh bạch dưới mọi hình thức trong các hoạt động của nhà trường.

3. Điểm yếu: Không

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Thực hiện công tác dân chủ, công khai minh bạch.	Ban giám hiệu nhà trường.	Quy chế dân chủ, bảng công khai, trang Web của trường.	Năm 2023-2024 và trong các năm học tiếp theo.	Không
Lấy ý kiến dân chủ, bàn bạc của đội ngũ trong nhà trường trước khi thực hiện các nội dung phát huy quyền dân chủ của CBQL, GV, NV trong việc góp ý nội quy quy chế, quy định liên quan đến các hoạt động của nhà trường.	Ban giám hiệu nhà trường.	Quy chế dân chủ trong nhà trường, nội quy, quy chế trường học.	Năm 2023-2024 và trong các năm học tiếp theo.	Không
Lắng nghe ý kiến, khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của đội ngũ, phụ huynh và cộng đồng để kịp thời giải	Ban giám hiệu nhà trường.	Quy chế dân chủ trong nhà trường, nội quy, quy chế	Năm 2023-2024 và các năm học tiếp	Không

quyết.		trường học.	theo.	
Ban thanh tra nhân dân, Hội đồng trường tăng cường việc giám sát thực hiện quy chế dân chủ của nhà trường.	Ban thanh tra nhân dân, hội đồng trường, nhân dân trên địa bàn.	Quy chế hoạt động các đoàn thể, Quy chế dân chủ.	Năm 2023-2024.	Không

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học

Mức 1:

a) Có phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường; những trường có tổ chức bếp ăn cho trẻ được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm;

b) Có hộp thư góp ý, đường dây nóng và các hình thức khác để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân; đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và trẻ trong nhà trường;

c) Không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường.

Mức 2:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và trẻ được phổ biến, hướng dẫn, thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy nổ; an toàn phòng, chống thảm họa thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường;

b) Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường xây dựng đầy đủ các loại phương án thực hiện theo giai đoạn, theo năm học như: phương án đảm bảo an ninh trật tự [H1-1.10-01]; phương án vệ sinh an toàn thực phẩm [H1-1.10-02]; phương án an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích H1-1.10-03]; phương án an toàn, phòng chống cháy nổ [H1-1.10-04]; Phương án an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai [H1-1.10-05]; phương án phòng chống dịch bệnh trong trường học, phương án xử lý khi có các trường hợp mắc Covid-19 [H1-1.10-06]; phương án phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường [H1-1.10-07]. Nhà trường tổ chức bếp ăn cho trẻ

và đã ký bản cam kết đảm bảo VSATTP với Chi cục VSATTP và Phòng GD&ĐT được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm [1.10-08].

Nhà trường có hòm thư góp ý được để ở nơi thuận lợi, có số điện thoại đường dây nóng để tiếp nhận, xử lý kịp thời các thông tin phản ánh của CB, GV, NV, phụ huynh học sinh, của người dân, các tổ chức, cá nhân tham gia đóng góp ý kiến. Đảm bảo an toàn cho CBQL, GV, NV và trẻ trong nhà trường [1.10-09].

Trong những năm học qua không có trường hợp nào có hiện tượng kỳ thị, không có CBQL, GV, NV nào có hành vi bạo lực với trẻ em và những hành vi vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường [H1-1.3-09].

Mức 2:

Nhà trường đã phổ biến, hướng dẫn cho tất cả cán bộ, quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh thực hiện các phương án như: Phương án đảm bảo an ninh trật tự; phương án phòng chống ngộ độc thực phẩm; phương án phòng chống tai nạn thương tích; phương án an toàn, phòng chống cháy nổ; phương án an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phương án phòng chống dịch bệnh; phương án xử lý khi có các trường hợp mắc Covid-19; phương án phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường thông qua các cuộc họp, sinh hoạt chuyên môn qua hệ thống bảng tuyên truyền của nhà trường; phối hợp với Công an xã trong việc đảm bảo công tác an ninh trật tự trong nhà trường, nhà trường có hệ thống phòng cháy chữa cháy hiện đại như: còi báo cháy, hệ thống máy nổ, vòi phun nước, bình chữa cháy và các thiết bị đảm bảo công tác phòng chống cháy nổ của nhà trường theo quy định hiện hành, tổ chức phổ biến, hướng dẫn cho CBQL, GV, NV tập huấn thực hành phương án phòng chống cháy nổ, sử dụng hệ thống phòng cháy chữa cháy [H1-1.3-09].

Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, đảm bảo an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả. Trong các năm học không có hiện tượng liên quan đến bạo lực học đường trong nhà trường [H1-1.10-07].

2. Điểm mạnh

Nhà trường xây dựng đầy đủ các phương án theo quy định, phổ biến, hướng dẫn thực hiện có hiệu quả tới toàn thể CBQL, GV, NV, học sinh. Có hệ thống phòng cháy chữa cháy hiện đại và các thiết bị đảm bảo công tác phòng chống cháy nổ của nhà trường theo quy định hiện hành, tổ chức phổ biến, hướng dẫn cho CBQL, GV, NV được tập huấn thực hành phương án phòng chống cháy nổ, sử dụng hệ thống phòng cháy chữa cháy. Có hòm thư góp ý và đường dây nóng để ở nơi thuận tiện để cho giáo viên, nhân viên, phụ huynh học sinh và các tổ chức, cá nhân tham gia đóng góp ý kiến. Thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực trong nhà trường, đảm bảo an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả. Không có trường hợp nào bị kỳ thị, không có CBQL, GV, NV nào có hành vi bạo lực trẻ em và những hành vi vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường.

3. Điểm yếu: Không.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Tiếp tục xây dựng các phương án đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học.	CBQL, GV, NV, cha mẹ trẻ, nhân dân trên địa bàn.	Các loại Phương án, kế hoạch thực hiện, CSVC.	Năm học 2023-2024 và các năm tiếp theo	Không
Giao nhiệm vụ cụ thể cho bảo vệ tăng cường kiểm tra công tác bảo đảm an ninh trật tự trường học, GV chủ nhiệm các lớp để đảm bảo an toàn tuyệt đối cho trẻ.	Hiệu trưởng	Nhân viên bảo vệ, GV	Năm học 2023-2024	Không
Phối kết hợp chặt chẽ với công an xã trên địa bàn để đảm bảo an ninh trật tự cho nhà trường.	CBQL, GV, NV trong trường	Công an xã	Năm học 2023-2024	Không
Tiếp tục mua sắm bổ sung thiết bị phòng cháy, chữa cháy	Hiệu trưởng	GV, NV	Năm học 2023-2024	3.000.000
Phối hợp với công an huyện tổ chức tập huấn, diễn tập thực hành cho CBQL, GV, NV về cách phòng cháy, chữa cháy để kịp thời xử lý khi có sự cố cháy nổ xảy ra. Tổ chức chuyên đề tổ: hướng dẫn trẻ cách thoát hiểm khi có cháy xảy ra.	Hiệu trưởng	Phó hiệu trưởng, GV, nhân viên, trẻ	Năm học 2023-2024	Không

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Kết luận về tiêu chuẩn 1:

Nhà trường có Phương hướng chiến lược phát triển trường mầm non xã Thanh Xương theo các giai đoạn được cụ thể hóa thành Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ và Kế hoạch phát triển nhà trường theo từng năm học được các cấp có thẩm quyền phê duyệt. Cơ cấu tổ chức bộ máy của nhà trường đảm bảo theo quy định tại Điều lệ trường mầm non; Có chi bộ Đảng và các đoàn thể hoạt động theo đúng quy định; có Hiệu trưởng, các phó Hiệu trưởng, tổ chuyên môn, tổ văn phòng đủ theo quy định. Các tổ khối hoạt động hiệu quả, được định kỳ rà soát đánh giá và điều chỉnh.

Hàng năm, nhà trường có số lượng nhóm trẻ, lớp mẫu giáo đảm bảo theo quy định, được phân chia theo độ tuổi lớp đơn và có 02 lớp mẫu giáo ghép chưa phân chia được theo độ tuổi do khoảng cách ở các điểm trường xa, số lượng trẻ ít, không đủ 50% số trẻ theo số lượng tối đa quy định tại Điều lệ trường mầm non để bố trí thành lớp đơn. 100% trẻ được học 2 buổi/ngày, nhà trường có 02 trẻ khuyết tật đảm bảo không quá 02 trẻ em cùng một dạng khuyết tật học hòa nhập trong một lớp, hàng năm, nhà trường có không quá 20 nhóm trẻ, lớp mẫu giáo.

Nhà trường có đầy đủ hệ thống hồ sơ và được lưu trữ theo quy định của Luật lưu trữ; hàng năm quản lý tài chính, lập dự toán thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính, tài sản đúng mục đích, có hiệu quả trong các hoạt động giáo dục. Quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành. Ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường. Nhà trường có kế hoạch ngắn hạn, trung hạn, dài hạn để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp với điều kiện của nhà trường, thực tế địa phương. Có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ giáo viên, nhân viên. Thực hiện phân công, sử dụng cán bộ hợp lý, hiệu quả, đảm bảo được các quyền, chế độ theo quy định. Quản lý tốt các hoạt động giáo dục, xây dựng kế hoạch hoạt động phù hợp với quy định, điều kiện thực tế, đảm bảo mục tiêu giáo dục, định kỳ có rà soát, đánh giá, điều chỉnh, bổ sung kịp thời, chất lượng chăm sóc giáo dục trẻ đạt hiệu quả. Nhà trường đã thực hiện nghiêm túc quy chế dân chủ, hàng năm có báo cáo việc thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở với Phòng GD&ĐT đúng quy định và công khai, minh bạch. Nhà trường có các phương án theo quy định được phổ biến, hướng dẫn thực hiện có hiệu quả tới toàn thể CBQL, GV, NV, học sinh. Có hệ thống phòng cháy chữa cháy hiện đại và các thiết bị đảm bảo công tác phòng chống cháy nổ của nhà trường theo quy định hiện hành, CBQL, GV, NV được hướng dẫn, thực hành phương án phòng chống cháy nổ, sử dụng hệ thống phòng cháy chữa cháy có hiệu quả. Hàng năm không có hiện tượng kỳ thị bạo lực, vi phạm pháp luật trong nhà trường.

+ Số tiêu chí đạt yêu cầu: 10

+ Số tiêu chí không đạt yêu cầu: 0

Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

Mở đầu:

Nhà trường có đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên có phẩm chất đạo đức tốt, tâm huyết với nghề nghiệp, có trình độ đào tạo đạt chuẩn và trên chuẩn. Chất lượng, năng lực đội ngũ từng bước được nâng lên đáp ứng với nhiệm vụ chăm sóc giáo dục trẻ theo Chương trình Giáo dục mầm non và yêu cầu đổi mới về Giáo dục mầm non trong giai đoạn hiện nay. Hiệu trưởng và các phó hiệu trưởng của nhà trường có nhiều năm công tác liên tục trong ngành Giáo dục mầm non, có trình độ đào tạo trên chuẩn, có năng lực quản lý và khả năng ứng dụng công nghệ thông tin tốt trong quản lý và chỉ đạo chuyên môn. 3/3

đồng chí CBQL có trình độ Trung cấp lý luận chính trị và hoàn thành chương trình bồi dưỡng cán bộ quản lý. Đội ngũ CBQL, GV, NV đảm bảo đủ về số lượng, hợp lý về cơ cấu, được bố trí công việc phù hợp với vị trí việc làm, giúp phát huy khả năng, năng lực của từng cá nhân. Đội ngũ GV, nhân viên thường xuyên được bồi dưỡng và tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ, được đảm bảo các quyền lợi, chế độ chính sách của Đảng, Nhà nước, của ngành. Hằng năm CBQL được đánh giá xếp loại theo chuẩn hiệu trưởng, chuẩn phó hiệu trưởng, giáo viên được đánh giá, xếp loại theo chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non đạt ở mức khá trở lên không có CBQL, GV, NV vi phạm pháp luật. Nhân viên có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm và được tham gia đầy đủ các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm.

Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng

Mức 1:

- a) Đạt tiêu chuẩn theo quy định;
- b) Được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng trở lên;
- c) Được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục theo quy định.

Mức 2:

- a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 02 năm được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên;
- b) Được bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị theo quy định; được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm.

Mức 3:

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 01 năm đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức tốt.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có 01 Hiệu trưởng, 02 phó hiệu trưởng đều đáp ứng được các tiêu chuẩn quy định tại Điều 10 Thông tư số 52/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2021 Ban hành Điều lệ trường mầm non [H1-1.4-01]; [H1-1.4-02]; Hiệu trưởng có thời gian công tác liên tục trong GDMN 24 năm, Phó hiệu trưởng 1 Phạm Thị Nam Hồng công tác liên tục trong ngành giáo dục mầm non là 23 năm, Phó hiệu trưởng 2 Đặng Thị Thái Hà công tác liên tục trong ngành giáo dục mầm non là 18 năm. Hiệu trưởng và các phó hiệu trưởng đều có bằng đại học sư phạm mầm non, có bằng trung cấp lý luận chính trị, chứng chỉ bồi dưỡng quản lý giáo dục mầm non,

có uy tín về chính trị, đạo đức, lối sống, chuyên môn, nghiệp vụ; đủ sức khỏe và năng lực tổ chức quản lý, điều hành các hoạt động của nhà trường [H2-2.1-01]; [H2-2.1-02]; [H2-2.1-03].

Hằng năm, hiệu trưởng, các phó hiệu trưởng được Phòng GD&ĐT huyện Điện Biên đánh giá xếp loại đạt khá trở lên theo chuẩn Hiệu trưởng trường Mầm non [H2-2.1-04].

Hằng năm Hiệu trưởng và các phó Hiệu trưởng đều được tham gia bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục mầm non theo quy định như: Bồi dưỡng chuyên môn hè, bồi dưỡng chuyên đề các cấp [H2-2.1-05].

Mức 2:

Trong 3 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá Hiệu trưởng có 02 năm được đánh giá xếp loại tốt theo chuẩn hiệu trưởng trường mầm non. 2 Phó hiệu trưởng đều có 02 năm được Phòng GD&ĐT đánh giá xếp loại tốt theo chuẩn phó hiệu trưởng [H2-2.1-04].

Hiệu trưởng, các phó hiệu trưởng có bằng trung cấp lý luận chính trị. Trong quá trình công tác hiệu trưởng, các phó hiệu trưởng luôn được tin nhiệm của tập thể giáo viên, nhân viên trong trường và được lãnh đạo các cấp đánh giá cao, khen thưởng [H2-2.1-01]; [H2-2.1-02]; [H2-2.1-03]; [H2-2.1-04]; [H2-2.1-06].

Mức 3:

Trong 2 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, hiệu trưởng có 02 năm được xếp loại tốt theo chuẩn hiệu trưởng trường Mầm non. 2 Phó hiệu trưởng có 02 năm được Phòng GD&ĐT đánh giá xếp loại tốt theo chuẩn Phó hiệu trưởng [H2-2.1-04].

2. Điểm mạnh

Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng nhà trường đảm bảo các yêu cầu theo quy định về trình độ đào tạo, năm công tác theo quy định. Tham gia đầy đủ các lớp bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục, lý luận chính trị. Cán bộ quản lý có uy tín về phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống, chuyên môn, nghiệp vụ, có năng lực tổ chức, quản lý điều hành các hoạt động của nhà trường, luôn được đồng nghiệp tin nhiệm. Trong 02 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, hiệu trưởng, các phó hiệu được phòng GD&ĐT đánh giá xếp loại khá trở lên theo chuẩn hiệu trưởng trường Mầm non, trong đó: Hiệu trưởng và 2 phó hiệu trưởng đều có 02 năm xếp loại tốt.

3. Điểm yếu: Không.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian hoàn thành	Dự kiến kinh phí
Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng tiếp tục tham gia bồi dưỡng, nâng cao về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục để được đánh giá xếp loại tốt theo chuẩn hiệu trưởng trường mầm non.	Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng	Kế hoạch học tập, bồi dưỡng	Năm học 2023-2024 và những năm tiếp theo.	Không

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên

Mức 1:

a) Có đội ngũ giáo viên về số lượng, hợp lý về cơ cấu đảm bảo thực hiện Chương trình giáo dục mầm non theo quy định;

b) 100% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định;

c) Có ít nhất 95% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên.

Mức 2:

a) Tỷ lệ giáo viên đạt trên chuẩn trình độ đào tạo đạt ít nhất 55%; đối với các trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 40%; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tỷ lệ giáo viên trên chuẩn trình độ đào tạo được duy trì ổn định và tăng dần theo lộ trình phù hợp;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên, trong đó có ít nhất 60% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên và ít nhất 50% ở mức khá trở lên đối với trường thuộc vùng khó khăn;

c) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3:

a) Tỷ lệ giáo viên đạt trên chuẩn trình độ đào tạo đạt ít nhất 65%, đối với các trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 50%;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 80% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 30% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt; đối với trường thuộc vùng khó

khăn có ít nhất 70% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 20% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Năm học 2023-2024 nhà trường có 39 giáo viên, tỷ lệ giáo viên/nhóm trẻ là 2,0; tỷ lệ GV/lớp mẫu giáo là 1,9; đủ về số lượng, hợp lý về cơ cấu đảm bảo thực hiện chương trình GDMN theo quy định tại Thông tư liên tịch số 06/2015/TTLT- BGD&ĐT- BNV của Bộ GD&ĐT về việc hướng dẫn định mức biên chế sự nghiệp trong các cơ sở GDMN công lập [H1-1.7-01].

39/39 giáo viên có trình độ đào tạo đạt chuẩn trở lên đạt 100%; trong đó: 34/39 giáo viên có trình độ trên chuẩn đạt 87,1% [H2-2.2-01].

Nhà trường có 39/39 giáo viên được đánh giá xếp loại chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non từ mức khá trở lên đạt 100%; Trong đó: 24/39 giáo viên xếp loại tốt, đạt 61,5%; 15/39 giáo viên xếp loại khá, đạt 38,5% [H2-2.2-02].

Mức 2:

Trong 2 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường có 87,1% giáo viên đạt trên chuẩn về trình độ đào tạo. Tỷ lệ giáo viên trên chuẩn trình độ đào tạo được duy trì ổn định và tăng dần theo lộ trình từng năm [H2-2.2-01].

Trong 2 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 100% giáo viên được đánh giá xếp loại khá trở lên, trong đó: xếp loại tốt đạt 61,5%; xếp loại khá, đạt 38,5% [H2-2.2-02].

Trong 2 năm liên tiếp, nhà trường không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên [H1-1.3-09].

Mức 3:

Nhà trường có 34/39 giáo viên có trình độ trên chuẩn đạt 87,1% [H2-2.2-01].

Trong 5 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 100% giáo viên được đánh giá xếp loại khá trở lên theo chuẩn nghề nghiệp giáo viên Mầm non, trong đó: xếp loại tốt đạt 61,5%; xếp loại khá, đạt 38,5% [H2-2.2-02].

2. Điểm mạnh

Hàng năm nhà trường có đủ số lượng giáo viên, hợp lý về cơ cấu đảm bảo thực hiện chương trình GDMN theo quy định. 100% giáo viên đạt trình độ chuẩn đào tạo trở lên. Công tác đánh giá, xếp loại giáo viên theo chuẩn nghề nghiệp được triển khai và thực hiện nghiêm túc. 100% giáo viên được đánh giá xếp loại khá trở

lên theo chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non, trong đó có 61,5% xếp loại tốt. Trong 5 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá không có giáo viên bị kỷ luật.

3. Điểm yếu: Không.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Nhà trường tiếp tục làm tốt công tác đánh giá xếp loại giáo viên theo chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non.	CBQL, GV	Thông tư 06/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16/3/2015.	Trong năm học 2023-2024 và các năm học tiếp theo.	Không
Tăng cường bồi dưỡng cho giáo viên phát triển phẩm chất, năng lực nghề nghiệp của giáo viên mầm non theo các tiêu chuẩn về chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non và bồi dưỡng thường xuyên GVMN.	CBQL, GV	Thông tư 12/2019/TT-BGDĐT ngày 26/12/2019 ban hành chương trình bồi dưỡng GVMN; Thông tư 26/2018/TT-BGDĐT ngày 8/10/2016 quy định chuẩn nghề nghiệp GVMN.	Trong năm học 2023-2024 và các năm học tiếp theo.	Không
Tăng cường tự học tự bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho giáo viên.	GV	Kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn hằng năm.	Năm học 2023-2024 và năm học tiếp theo.	Không

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên

Mức 1:

a) Có nhân viên hoặc giáo viên kiêm nhiệm để đảm nhiệm các nhiệm vụ do hiệu trưởng phân công;

b) Được phân công công việc phù hợp, hợp lý theo năng lực;

c) Hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

Mức 2:

a) *Số lượng và cơ cấu nhân viên đảm bảo theo quy định;*

b) *Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.*

Mức 3:

a) *Có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm;*

b) *Hàng năm, được tham gia đầy đủ các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm.*

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Tính đến thời điểm đánh giá nhà trường có đủ nhân viên, giáo viên kiêm nhiệm theo quy định gồm: 01 nhân viên kế toán, 01 nhân viên y tế kiêm nhiệm, 02 nhân viên bảo vệ, 03 nhân viên nấu ăn hợp đồng ngắn hạn, 03 giáo viên kiêm nhiệm nấu ăn. Các nhân viên, giáo viên kiêm nhiệm trong nhà trường đáp ứng nhu cầu chăm sóc, giáo dục trẻ [H2-2.3-01]; [H1-1.7-01].

Các nhân viên trong nhà trường được hiệu trưởng phân công công việc rõ ràng, phù hợp với khả năng, năng lực, trình độ chuyên môn và nhu cầu lao động của từng đồng chí [H1-1.7- 01].

Nhân viên trong nhà trường hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao, thực hiện đúng nội quy, quy chế chuyên môn, nghiệp vụ, làm tốt công tác tài chính, tổ chức nấu ăn cho trẻ, chăm sóc sức khỏe và bảo quản tốt CSVC, an ninh trật tự trong nhà trường. Số lượng người nấu ăn chưa đủ định mức theo quy định do đời sống nhân dân còn khó khăn nên mức đóng góp để thuê người nấu ăn cho trẻ thấp, chưa đủ để thuê thêm người làm công tác nấu ăn cho trẻ. Hiện tại trường đang bố trí nhân viên phục vụ, y tế, kế toán, bảo vệ, 03 giáo viên kiêm nhiệm hỗ trợ công tác bán trú cho trẻ [H2-2.3-02].

Mức 2:

Nhà trường có đủ nhân viên, giáo viên kiêm nhiệm theo quy định tại khoản 3 Điều 4 và khoản 4 Điều 5 Thông tư liên tịch số 06/2015/TTLT-BGD&ĐT- BNV ngày 16/3/2015 của Bộ GD&ĐT và Bộ nội vụ, quy định về danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở GDMN công lập [H1-1.7-01]; [H2-2.3-01]. Số lượng người nấu ăn chưa đủ định mức theo quy định do đời sống nhân dân còn khó khăn nên mức đóng góp để thuê người nấu ăn cho trẻ thấp, chưa đủ để thuê thêm người làm công tác nấu ăn cho trẻ. Hiện tại trường đang bố trí nhân viên phục vụ, y tế, kế toán, bảo vệ, 03 giáo viên kiêm nhiệm hỗ

trợ công tác bán trú cho trẻ [H2-2.3-02].

Trong 2 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, 100% nhân viên trong nhà trường thực hiện tốt nhiệm vụ được giao, không có nhân viên bị kỉ luật [H1-1.3-09].

Mức 3:

Đội ngũ nhân viên của trường có đủ trình độ đào tạo theo đúng chuyên môn, đáp ứng được vị trí việc làm như: Nhân viên kế toán có bằng tốt nghiệp đại học tài chính ngân hàng, nhân viên y tế kiêm nhiệm có bằng cao đẳng y tế, nhân viên phục vụ có bằng trung cấp nghề, nhân viên bảo vệ có bằng trung học kinh tế và được tham gia tập huấn công tác phòng cháy chữa cháy. Nhân viên nấu ăn có đầy đủ giấy khám sức khỏe hàng năm, được tham gia các lớp tập huấn về VSATTP [H2-2.3-03]; [H2-2.3-04].

Hàng năm nhân viên y tế được tham gia tập huấn công tác y tế trường học, nhân viên nấu ăn được bồi dưỡng kiến thức VSATTP, nhân viên bảo vệ được bồi dưỡng về nghiệp vụ phòng cháy chữa cháy, nghiệp vụ bảo vệ, nhân viên kế toán được bồi dưỡng nghiệp vụ kế toán [H2-2.3-05].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đủ nhân viên, giáo viên kiêm nhiệm theo quy định. Nhân viên kế toán có bằng tốt nghiệp đại học, nhân viên y tế có bằng tốt nghiệp cao đẳng y tế theo đúng chuyên môn được giao. Nhân viên nấu ăn có đầy đủ giấy khám sức khỏe, được tham gia các lớp tập huấn về công tác VSATTP. Hàng năm được tham gia đầy đủ các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm. 100% nhân viên trong nhà trường thực hiện tốt nhiệm vụ được giao, không có nhân viên bị kỉ luật.

3. Điểm yếu

Số lượng người nấu ăn chưa đủ định mức theo quy định do đời sống nhân dân còn khó khăn nên mức đóng góp để thuê người nấu ăn cho trẻ thấp, chưa đủ để thuê thêm người làm công tác nấu ăn cho trẻ.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Xây dựng đề án vị trí việc làm tham mưu với Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện bổ sung thêm 01 nhân viên y tế chuyên trách,	CBQL	Đề án vị trí việc làm	Năm học 2023-2024 và các năm học tiếp	Không

đảm bảo đủ định mức số lượng.			theo	
Nhà trường xây dựng kế hoạch tổ chức bồi dưỡng nhằm nâng cao chất lượng chuyên môn cho nhân viên y tế, nhân viên kế toán, nhân viên nấu ăn.	CBQL nhân viên y tế, nấu ăn	Kế hoạch bồi dưỡng nghiệp vụ y tế, kế toán, nấu ăn, VSATTP.	Năm học 2023-2024 và các năm học tiếp theo	Không
Tích cực tham mưu với UBND xã, phối hợp với ban đại diện cha mẹ học sinh vận động các bậc phụ huynh ủng hộ kinh phí để hợp đồng thêm nhân viên nấu ăn.	CBQL; UBND xã; các bậc phụ huynh.	Họp phụ huynh đầu năm, các văn bản hướng dẫn các khoản thu – chi năm học 2021-2022.	Trong năm học 2023-2024 và các năm học tiếp theo	2.000đ/ ngày

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Kết luận về Tiêu chuẩn 2

Hiệu trưởng, các phó hiệu trưởng nhà trường có thời gian công tác lâu năm trong ngành GDMN, đạt trên chuẩn về trình độ đào tạo, có trình độ trung cấp lý luận chính trị, bồi dưỡng về nghiệp vụ quản lý giáo dục, có phẩm chất đạo đức tốt, có năng lực trong quản lý trường mầm non, nắm vững chương trình GDMN, có khả năng ứng dụng CNTT tốt trong quản lý, chỉ đạo. Đội ngũ giáo viên, nhân viên của trường đủ về số lượng và đáp ứng yêu cầu về chất lượng chuyên môn, nghiệp vụ. Giáo viên thực hiện nghiêm túc công tác chăm sóc - giáo dục trẻ theo chương trình GDMN, có tinh thần học tập, bồi dưỡng về mọi mặt để thực hiện chương trình GDMN, đáp ứng với yêu cầu đổi mới về GDMN trong giai đoạn hiện nay. 100% giáo viên xếp loại khá, tốt theo quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non. Trong 02 năm tính đến thời điểm tự đánh giá, giáo viên, nhân viên trong trường hàng năm được tham gia các lớp bồi dưỡng chuyên môn, các lớp nâng chuẩn. Trong 02 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, hiệu trưởng, các phó hiệu được phòng GD&ĐT đánh giá xếp loại khá trở lên theo chuẩn hiệu trưởng trường Mầm non, trong đó: Hiệu trưởng có 02 năm được đánh giá xếp loại tốt, 2 phó hiệu trưởng có 02 năm xếp loại tốt.

Tuy nhiên số lượng người nấu ăn chưa đủ định mức theo quy định do đời sống nhân dân còn khó khăn nên mức đóng góp để thuê người nấu ăn cho trẻ thấp, chưa đủ để thuê thêm người làm công tác nấu ăn cho trẻ. Hiện tại trường đang bố trí nhân viên phục vụ, y tế, kế toán, bảo vệ, 04 giáo viên kiêm nhiệm hỗ trợ công tác bán trú cho trẻ.

+ Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 3 tiêu chí

+ Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 0

Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học

Mở đầu:

Cơ sở vật chất, thiết bị của nhà trường là điều kiện quan trọng để thực hiện tốt nhiệm vụ CSGD trẻ. Chính vì lẽ đó trong những năm qua nhà trường luôn quan tâm đến việc xây dựng CSVC tôn tạo cảnh quan môi trường giáo dục an toàn-thân thiện-lành mạnh theo quan điểm giáo dục lấy trẻ làm trung tâm, mua sắm bổ sung thiết bị, đồ dùng để đáp ứng yêu cầu dạy và học. Vị trí của trường được đặt ở trung tâm khu dân cư đông đúc giáp với thành phố nên văn hóa xã hội phát triển, giao thông thuận lợi cùng với CSVC đầy đủ, khang trang, được thiết kế hiện đại, với lợi thế trên trường mầm non xã Thanh Xương trở thành trung tâm giao lưu văn hóa của các trường trong huyện, là nơi thường xuyên được đặt địa điểm tổ chức các hội thi giáo viên giỏi cấp tỉnh, cấp huyện, các hội thi giao lưu của trẻ, các buổi sinh hoạt chuyên môn cấp huyện. Nhà trường có 20 nhóm/lớp và 4 điểm trường, có đủ diện tích đất sử dụng ở cả trung tâm và các điểm trường với khuôn viên xanh sạch đẹp, hệ thống cây xanh tạo bóng mát thường xuyên được cắt tỉa đẹp. Có cổng trường, biển tên trường, tường xây bao quanh ngăn cách với bên ngoài. Có nguồn nước sạch đảm bảo cho các hoạt động CSGD trẻ của nhà trường, hệ thống cống rãnh hợp vệ sinh. Có vườn cây cho trẻ chăm sóc, các khu vực trải nghiệm sáng tạo mang đậm nét địa phương, sân chơi với các đồ chơi ngoài trời đảm bảo về số lượng, an toàn theo quy định. phòng giáo dục nghệ thuật, khu giáo dục thể chất, phòng họp, phòng của giáo viên, các khối phòng nuôi dưỡng, CSGD trẻ đảm bảo về diện tích và các thiết bị phục vụ cho công tác CSGD trẻ. Nhà bếp, nhà kho xây dựng bán kiên cố và được vận hành đúng theo quy trình bếp một chiều. Nhà vệ sinh không ô nhiễm, đảm bảo diện tích và có các thiết bị vệ sinh theo quy định. Có đủ các loại phòng hành chính - quản trị với các thiết bị tối thiểu tại các phòng đảm bảo theo quy định.

Tiêu chí 3.1: Diện tích, khuôn viên và sân vườn

Mức 1:

a) *Diện tích khu đất xây dựng hoặc diện tích sàn xây dựng bình quân tối thiểu cho một trẻ đảm bảo theo quy định;*

b) *Có cổng, biển tên trường, tường hoặc hàng rào bao quanh; khuôn viên đảm bảo vệ sinh, phù hợp cảnh quan, môi trường thân thiện và an toàn cho trẻ;*

c) *Có sân chơi, hiên chơi, hành lang của nhóm, lớp; sân chơi chung; sân chơi - cây xanh bố trí phù hợp với điều kiện của nhà trường, an toàn, đảm bảo cho tất cả trẻ được sử dụng.*

Mức 2:

a) Diện tích xây dựng công trình và diện tích sân vườn đảm bảo theo quy định;

b) Khuôn viên có tường bao ngăn cách với bên ngoài, có sân chơi, nhóm, lớp: có nhiều cây xanh tạo bóng mát sân trường, thường xuyên được chăm sóc cắt tỉa đẹp: Có vườn cây giàn riêng cho trẻ chăm sóc, bảo vệ và tạo cơ hội cho trẻ khám phá, học tập;

c) Khu vực trẻ chơi có đủ thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo quy định; có rào chắn an toàn ngăn cách với ao hồ (nếu có).

Mức 3:

Sân vườn có khu vực riêng để thực hiện các hoạt động giáo dục phát triển vận động, có đủ các loại thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo Danh mục thiết bị và đồ chơi ngoài trời cho giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và có bổ sung thiết bị đồ chơi ngoài Danh mục phù hợp với thực tế, đảm bảo an toàn cho trẻ.

Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có tổng diện tích đất sử dụng là 9.224,9m². Trong đó, điểm trường Trung tâm: 3.332m², điểm trường C17: 674,8m², điểm trường Chăn nuôi 2: 493,7m², điểm trường Đội 2: 552,4m², điểm trường Pú Tử: 4.172m². Diện tích khu đất xây dựng trường, điểm trường được bố trí trên cơ sở số nhóm/lớp bình quân 16,3m²/trẻ đảm bảo theo quy định tại Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học. Các điểm trường Đội 2, C17, Chăn Nuôi 2 có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Diện tích đất của trung tâm trường và điểm Pú Tử có sơ đồ khu đất xây dựng trường, bản thiết kế xây dựng nhưng chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất [H3-3.1-01].

Khuôn viên trường, điểm trường được ngăn cách với bên ngoài bằng tường xây kiên cố, đảm bảo vững chắc an toàn cho trẻ và luôn được vệ sinh sạch sẽ phù hợp cảnh quan môi trường thân thiện, an toàn cho trẻ vui chơi và học tập, trung tâm và điểm trường đều có cổng trường chắc chắn. Biển tên trường có đầy đủ tên trường, tên điểm trường đủ các thông tin chung theo quy định tại Điều 5 Thông tư số 52/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 Ban hành Điều lệ trường mầm non, [1.1-09].

Trường có đủ sân chơi chung được quy hoạch và thiết kế bố trí phù hợp được lát xi măng, lát gạch bằng phẳng, không trơn trượt, mát mẻ, được sử dụng để tổ chức các khu trò chơi vận động, sân khấu ngoài trời và các hoạt động tập thể đảm bảo an toàn cho tất cả trẻ đều được sử dụng. Có vườn cây xanh phù hợp với điều kiện của nhà trường, thường xuyên được chăm sóc cắt tỉa gọn gàng tạo bóng mát cho trẻ hoạt động khám phá trải nghiệm. Có hiên chơi thuận tiện cho việc đưa đón và sinh hoạt của trẻ khi trời mưa, nắng. Trung tâm và điểm trường Pú Tử là khu lớp học 2 tầng có hành lang, lan can phía trước và sau cao 1,2m cho các nhóm, lớp, cầu

thang có lan can và tay vịn thuận lợi dành cho trẻ khuyết tật di chuyển đảm bảo theo quy định [1.1-09].

Mức 2:

Nhà trường có diện tích xây dựng công trình và diện tích sân vườn đảm bảo theo Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trong đó diện tích xây dựng công trình là 4.029m²/62 phòng, diện tích sân vườn cho trẻ hoạt động trải nghiệm và tổ chức các hoạt động giáo dục là 5.195,9m² (trong đó diện tích sân chơi 2800,5m², diện tích vườn 2395,4m²) đảm bảo theo quy định [H3-3.1-01]; [1.1-09].

Khuôn viên trường đều có tường xây bao xung quanh dài 762m ngăn cách với bên ngoài đảm bảo an toàn cho trẻ, CB, GV, NV. Trung tâm và các điểm trường có sân chơi, bồn hoa, cây cảnh, cây xanh tạo bóng mát thường xuyên được chăm sóc cắt tỉa đẹp, có vườn rau, vườn cây dành riêng cho trẻ chăm sóc và tạo cơ hội cho trẻ trải nghiệm, học tập như: Khu trải nghiệm của bé, bé chơi với cát và nước, góc địa phương, góc chơi giao thông vườn rau, thư viện xanh [1.1-09].

Khu vực trẻ chơi ở trung tâm và các điểm trường được lắp đặt đủ các thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo quy định tại Thông tư 32/2012/TT- BGDĐT ngày 14/9/2012 của Bộ GD&ĐT về việc ban hành danh mục thiết bị và đồ chơi ngoài trời cho GDMN, có hàng rào chắn an toàn cho trẻ [1.6-03]; [1.1-09].

Mức 3:

Trung tâm và các điểm trường có sân vườn, khu vực riêng để thực hiện các hoạt động giáo dục phát triển vận động, có đủ các loại thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo Danh mục thiết bị và đồ chơi ngoài trời cho GDMN do Bộ GD&ĐT ban hành và hằng năm có bổ sung các thiết bị đồ chơi ngoài Danh mục phù hợp với thực tế của nhà trường, đảm bảo an toàn cho trẻ, có các khu cho trẻ trải nghiệm như: khu vui chơi giao thông, khu giáo dục phát triển vận động, khu trải nghiệm nhà trẻ, mẫu giáo, các góc địa phương, vườn cổ tích [1.6-03]; [1.1-09].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đủ diện tích đất sử dụng và diện tích sàn xây dựng bình quân tối thiểu cho trẻ đảm bảo theo quy định. Có sân chơi, hiên chơi thuận tiện cho việc đưa đón và sinh hoạt của trẻ khi trời mưa, nắng. Có đầy đủ cổng, biển tên trường, khuôn viên có tường xây bao quanh đảm bảo an toàn cho trẻ. Trung tâm và điểm trường Pú Từu là khu lớp học 2 tầng có hành lang, lan can phía trước và sau cao 1,2m cho các nhóm, lớp, cầu thang có lan can và tay vịn thuận lợi dành cho trẻ khuyết tật di chuyển đảm bảo theo quy định. Trung tâm và các điểm trường có bồn hoa, cây cảnh, cây xanh tạo bóng mát, có vườn cây dành riêng cho trẻ chăm sóc, khám phá, học tập. Có khu vực riêng để thực hiện các hoạt động giáo dục phát triển vận động, có đủ các loại thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo Danh mục thiết bị và đồ chơi ngoài trời, đồ chơi tự tạo, có các khu cho trẻ trải nghiệm như: khu vui chơi giao thông, khu trải nghiệm nhà trẻ, mẫu giáo, vườn rau, vườn cổ tích, các góc địa phương, thư viện xanh đảm bảo phù hợp với thực tế của nhà trường, đảm bảo an toàn cho trẻ.

3. Điểm yếu: Trung tâm trường và điểm trường Pú Tửu chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Nhà trường lập tờ trình trình Phòng GD&ĐT để có cơ sở phối hợp với phòng Tài nguyên Môi trường huyện, báo cáo UBND huyện, UBND tỉnh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho trung tâm và điểm trường Pú Tửu.	Ban giám hiệu, Phòng GD&ĐT, UBND huyện Điện Biên, UBND tỉnh, phòng Tài nguyên Môi trường huyện	Tờ trình	Năm học 2023- 2024	Không
Tiếp tục tham mưu với lãnh đạo Phòng GD&ĐT huyện Điện Biên, UBND xã Thanh Xương đầu tư, nâng cấp CSVC tại điểm trường Đội 2, Chăn Nuôi 2, C17, điểm trường Pú Tửu	CBQL, GV, NV, cha mẹ trẻ.	Kinh phí, kế hoạch xây dựng và tu sửa CSVC. Huy động ngày công lao động cha mẹ trẻ.	Năm 2023-2024	200.000.000

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 3.2: Khối phòng nhóm trẻ, lớp mẫu giáo và khối phòng phục vụ học tập

Mức 1:

a) Số phòng của các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo tương ứng với số nhóm, lớp theo độ tuổi;

b) Có phòng sinh hoạt chung, phòng ngủ (có thể dùng phòng sinh hoạt chung làm phòng ngủ đối với lớp mẫu giáo); có phòng để tổ chức hoạt động giáo dục thể chất, giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng, đảm bảo đáp ứng được nhu cầu tối thiểu hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ;

c) Có hệ thống đèn, hệ thống quạt (ở nơi có điện); có tủ đựng hồ sơ, thiết bị dạy học.

Mức 2:

a) Phòng sinh hoạt chung, phòng ngủ, phòng giáo dục thể chất, phòng giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng đảm bảo đạt chuẩn theo quy định;

b) Hệ thống tủ, kệ, giá đựng đồ chơi, đồ dùng, tài liệu đảm bảo đủ theo quy định, được sắp xếp hợp lý, an toàn, thuận tiện khi sử dụng.

Mức 3:

Có phòng riêng để tổ chức cho trẻ làm quen với ngoại ngữ, tin học và âm nhạc.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có 20 phòng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ/20 nhóm, lớp đảm bảo 1 phòng/lớp. Trong đó nhóm trẻ 24-36 tháng có 7 nhóm; lớp mẫu giáo 3-4 tuổi: 4 lớp; lớp mẫu giáo 4-5 tuổi là: 3 lớp; lớp mẫu giáo 5-6 tuổi: 3 lớp; lớp mẫu giáo ghép 4-5 tuổi: 1 lớp, lớp mẫu giáo ghép 3-4 tuổi: 2 lớp [3.2-01].

Nhà trường có 20 phòng sinh hoạt chung để tổ chức các hoạt động học, chơi và tổ chức ăn cho trẻ, các phòng sinh hoạt chung được lát gạch men chống trơn, có thảm xốp ấm áp về mùa đông, có đủ bàn ghế cho cô và trẻ, có tranh ảnh, đồ dùng, đồ chơi phong phú đa dạng được trang trí, sắp xếp phù hợp chủ đề giáo dục đảm bảo đáp ứng được nhu cầu tối thiểu hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ. Có đủ phòng ngủ cho trẻ đảm bảo thoáng mát về mùa hè, ấm áp về mùa đông, có quạt, chiếu, thảm xốp, chăn, gối, quạt, hệ thống tủ đựng các đồ dùng phục vụ cho trẻ ngủ, thuận tiện khi sử dụng. Có 02 phòng giáo dục thể chất (Trung tâm trường có khu giáo dục thể chất diện tích 80m², điểm trường Pú Từu có khu giáo dục thể chất 65m²) với đầy đủ đồ dùng đảm bảo đáp ứng được các hoạt động phát triển giáo dục thể chất cho trẻ, có 02 phòng giáo dục nghệ thuật (ở trung tâm diện tích 70m² và điểm trường Pú Từu 56m²) được trang bị đầy đủ đồ dùng (gương, gióng múa, đàn, trang phục múa, dụng cụ âm nhạc...) phục vụ cho việc giáo dục nghệ thuật, thẩm mỹ cho trẻ [1.6-03]; [1.1-09].

Nhà trường có hệ thống cấp điện đảm bảo đủ công suất và an toàn phục vụ hoạt động của trường. Các nhóm, lớp có hệ thống bóng điện đủ ánh sáng, có quạt điện đảm bảo cho hoạt động CSGD, có tủ đựng hồ sơ, thiết bị dạy học đầy đủ cho các nhóm, lớp, đảm bảo đủ an toàn phục vụ hoạt động của trường [3.2-01]; [3.2-02]; [H3-3.2-03].

Mức 2:

Phòng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ có diện tích trung bình 58,6m²/phòng, đảm bảo 2m²/trẻ đảm bảo diện tích theo quy định tại Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo thoáng mát về mùa hè, ấm áp về mùa đông, các phòng có đủ hệ thống tủ đựng các đồ dùng, thuận tiện phục vụ cho trẻ khi sử dụng, được phân thành các khu chức năng: Có hiên chơi phía trước và sau được sử dụng làm nơi tổ chức ăn và các hoạt động chơi; có kho nhóm/lớp được bố trí liền kề để chứa đồ dùng, đồ chơi phục vụ sinh hoạt và học tập của trẻ; có phòng giáo viên bố trí liền kề với khu sinh hoạt chung và ngủ của trẻ để đảm bảo thuận tiện cho GV có thể quan sát được trẻ trong giờ ngủ. Nhà trường có 02 phòng giáo dục thể chất có các đồ dùng, thiết bị, đồ chơi phát triển vận động để tổ chức các hoạt động giáo dục thể chất, 02 phòng giáo dục nghệ thuật có các thiết bị gương, gióng múa, đàn, trang phục, dụng cụ âm nhạc, giá vẽ tạo hình, các vật liệu đảm bảo đầy đủ đạt chuẩn

theo quy định để tổ chức cho trẻ các hoạt động nghệ thuật âm nhạc như múa, học đàn, biểu diễn văn nghệ, vẽ tranh, sáng tạo nghệ thuật [1.6-03]; [1.1-09].

Nhà trường có 20/20 nhóm, lớp có đầy đủ hệ thống tủ, kệ, giá đựng đồ chơi, tủ đồ dùng cá nhân, tài liệu đảm bảo đủ theo quy định tại Điều lệ trường mầm non, được sắp xếp hợp lý, an toàn thuận tiện khi sử dụng [1.6-03]; [3.2-01]; [H3-3.2-03].

Mức 3:

Nhà trường có 01 phòng riêng để tổ chức cho trẻ làm quen với tin học - ngoại ngữ có đủ các thiết bị công nghệ thông tin như: hệ thống máy tính, tai nghe, loa, mạng Internet, phần mềm kismat phục vụ cho trẻ mẫu giáo hoạt động vui chơi, khám phá làm quen với công nghệ tin học và tổ chức học tiếng anh cho 30 trẻ mẫu giáo nhỏ, 30 trẻ mẫu giáo lớn vào các buổi chiều thứ 2, thứ 4 hàng tuần do giáo viên của Trung tâm Ngoại ngữ- Tin học giảng dạy. Có 02 phòng giáo dục nghệ thuật riêng để tổ chức cho trẻ làm quen với âm nhạc và sáng tạo nghệ thuật tạo hình [3.2-01].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đủ phòng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ đảm bảo diện tích bình quân/trẻ, thoáng mát về mùa hè, ấm áp về mùa đông. Các nhóm, lớp có hệ thống bóng điện, quạt điện đảm bảo cho hoạt động CSGD. Các phòng học đều có hệ thống tủ, kệ, giá để đồ dùng đồ chơi đảm bảo và được sắp xếp hợp lý, thuận tiện, an toàn khi cho trẻ sử dụng. Có 02 phòng giáo dục nghệ thuật có đủ đồ dùng, trang thiết bị để tổ chức cho trẻ được trải nghiệm các hoạt động nghệ thuật âm nhạc như múa, học đàn, xướng âm, biểu diễn các chương trình văn nghệ của các nhóm lớp, vẽ tranh, sáng tạo nghệ thuật, 01 phòng ngoại ngữ - tin học riêng có đủ máy tính, kết nối mạng Internet và thiết bị cho trẻ khám phá với thế giới xung quanh qua màn ảnh nhỏ, học tập phát triển nhận thức và tư duy qua phần mềm Kismat làm quen công nghệ thông tin, được vừa học vừa chơi làm quen với những từ cơ bản ban đầu của tiếng Anh đáp ứng sự hứng thú của trẻ và nhu cầu tối thiểu hoạt động giáo dục.

3. Điểm yếu: Không

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Thường xuyên kiểm tra việc sử dụng, bảo quản các trang thiết bị, đồ dùng, tại các khối phòng học, làm tốt công tác tham mưu với cấp trên bổ sung trang thiết bị cần thiết cho các khối phòng	Ban giám hiệu	Kế hoạch kiểm tra	Năm học 2023-2024	Không

<p>phục vụ học tập của nhà trường.</p> <p>Thành lập đoàn kiểm tra CSVN và những thiết bị xuống cấp hoặc đảm bảo an toàn hằng năm vào những thời điểm đầu năm, giữa năm, cuối năm.</p>				
<p>Xây dựng kế hoạch lộ trình công tác xã hội hóa giáo dục, tích cực tranh thủ các nguồn tài trợ để nâng cấp phòng giáo dục thể chất của trung tâm và điểm trường Phú Tửu</p> <p>Thư ngỏ tới các tổ chức doanh nghiệp xin kinh phí đầu tư, kết nối mạnh thường quân, các nhà hảo tâm hỗ trợ về CSVN.</p>	<p>Ban giám hiệu, GV, Phòng GDĐT, các tổ chức cá nhân, doanh nghiệp, nhà hảo tâm...</p>	<p>Kế hoạch tham mưu, kế hoạch xã hội hóa giáo dục, thư ngỏ.</p>	<p>Năm học 2023-2024 và những năm tiếp theo</p>	<p>2.000.000.000</p>

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 3.3: Khối phòng hành chính - quản trị

Mức 1

- a) Có các loại phòng theo quy định;
- b) Có trang thiết bị tối thiểu tại các phòng;
- c) Khu để xe cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được bố trí hợp lý đảm bảo an toàn, trật tự.

Mức 2

- a) Đảm bảo diện tích theo quy định;
- b) Khu để xe cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên có mái che đảm bảo an toàn, tiện lợi.

Mức 3

Có đủ các phòng, đảm bảo theo Tiêu chuẩn quốc gia về yêu cầu thiết kế trường mầm non.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có đủ khối phòng hành chính - quản trị theo quy định tại Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ GD&ĐT bao gồm: 01 phòng hiệu trưởng; 02 phòng phó hiệu trưởng; 01 văn phòng trưởng; phòng dành cho

nhân viên; phòng bảo vệ; khu vệ sinh cho CB, GV, NV; khu để xe cho CB, GV, NV; 01 phòng họp; phòng hành chính quản trị; phòng Y tế [3.3-01].

Phòng Hiệu trưởng và 02 phòng phó hiệu trưởng có tủ, bàn làm việc, máy tính, bàn ghế tiếp khách và các thiết bị theo quy định hiện hành; văn phòng trường có đầy đủ bàn ghế họp, máy móc, thiết bị theo quy định; phòng họp sử dụng làm nơi sinh hoạt chung và sinh hoạt chuyên môn của giáo viên ngoài giờ lên lớp được trang bị đầy đủ các thiết bị máy tính, máy in các loại sách tham khảo phục vụ cho tổ chức các hoạt động chuyên môn, phòng y tế có giường bệnh, tủ thuốc có các loại thuốc thiết yếu, các trang thiết bị và đồ dùng theo dõi sức khỏe cho trẻ, có bảng theo dõi sức khỏe trẻ, kế hoạch công tác y tế tháng/năm, kế hoạch phục hồi trẻ suy dinh dưỡng, tranh ảnh tuyên truyền chăm sóc sức khỏe, phòng bệnh cho trẻ, có sơ đồ xử trí sốc phản vệ; phòng hành chính quản trị có đầy đủ máy móc, thiết bị, tủ đựng hồ sơ sổ sách; phòng dành cho nhân viên có tủ đựng đồ dùng cá nhân; phòng bảo vệ đặt ở gần lối ra vào của trường có vị trí quan sát thuận lợi, có bàn ghế, đồng hồ, bảng, sổ theo dõi khách; khu vệ sinh CB, GV, NV được bố trí theo các khối phòng chức năng, phòng vệ sinh nam, nữ riêng biệt phù hợp với môi trường; có nhà kho dùng để dụng cụ chung và học phẩm của nhà trường [1.6-03]; [3.3-01].

Trung tâm và các điểm trường có khu để xe dành cho CB, GV, NV có mái che được bố trí, sắp xếp hợp lý đảm bảo an toàn, trật tự, khoa học, đủ chỗ để xe cho CB, GV, NV [1.1-09].

Mức 2:

Văn phòng trường có diện tích 43m²; phòng họp có diện tích 70m², phòng Hiệu trưởng có diện tích 20,5m², phòng các phó hiệu trưởng diện tích 20,5m², phòng hành chính - quản trị có diện tích 20,5m², phòng bảo vệ có diện tích 12m²; phòng dành cho nhân viên có diện tích 16m², phòng y tế có diện tích 20,5m², khu vệ sinh CB, GV, NV bình quân 10m²/phòng, các phòng đủ diện tích đảm bảo quy định [3.3-01].

Khu để xe dành cho CBQL, giáo viên, nhân viên đều có mái che đảm bảo an toàn tiện lợi, khu để xe trung tâm có diện tích 92m², điểm trường Pú Tưu có diện tích 60m², điểm trường Đội 2 diện tích 13,5m², điểm trường C17 có khu vực để xe, các khu để xe đều có mái che đảm bảo an toàn tiện lợi, bố trí hợp lý đảm bảo đủ diện tích để xe cho cán bộ, giáo viên [3.3-01].

Mức 3:

Nhà trường có đủ các khối phòng hành chính – quản trị đảm bảo diện tích, có đầy đủ các thiết bị tối thiểu và đảm bảo theo Tiêu chuẩn quốc gia về yêu cầu thiết kế trường mầm non [3.3-01].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đủ các khối phòng hành chính - quản trị theo quy định: Phòng hiệu trưởng; 02 phòng phó hiệu trưởng để thực hiện các hoạt động quản lý, chỉ đạo các hoạt động nhà trường; văn phòng; phòng họp là nơi tổ chức các

buổi họp cơ quan, sinh hoạt chuyên môn, các buổi họp phụ huynh và là địa điểm được phòng GD&ĐT thường xuyên tổ chức các buổi tập huấn, sinh hoạt chuyên môn cấp huyện; phòng hành chính quản trị thực hiện các công việc về tài chính, cơ sở vật chất trường học; phòng Y tế có các trang thiết bị thiết yếu để chăm sóc sức khỏe trẻ, được đặt cách biệt với khu lớp học được yên tĩnh khi có trẻ bị ốm, mệt trẻ được nghỉ ngơi; phòng bảo vệ; phòng dành cho nhân viên; khu vệ sinh cho giáo viên, cán bộ, nhân viên; khu để xe cho giáo viên, cán bộ, nhân viên đảm bảo diện tích theo quy định. Các phòng có đủ đồ dùng, trang thiết bị tối thiểu và được thiết kế phù hợp, thuận tiện cho các hoạt động của nhà trường.

3. Điểm yếu: Không.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Xây dựng kế hoạch, giải pháp cụ thể để nâng cấp tu sửa các hạng mục công trình, sử dụng có hiệu quả trang thiết bị của các khối phòng nhằm nâng cao chất lượng giáo dục phù hợp với điều kiện của nhà trường. Rà soát các hạng mục công trình, đối chiếu tỷ lệ hao mòn tài sản hàng năm để có kế hoạch nâng cấp cải tạo theo từng năm để duy trì và nâng cao CSVC ở các mức.	Ban giám hiệu, Phòng GD&ĐT, các tổ chức xã hội, doanh nghiệp	Kế hoạch tài chính ngắn hạn, trung hạn, văn bản tham mưu bổ sung kinh phí	Năm học 2023-2024 và những năm tiếp theo.	100.000.000

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 3.4: Khối phòng tổ chức ăn

Mức 1:

- a) Bếp ăn được xây dựng kiên cố hoặc bán kiên cố;
- b) Kho thực phẩm được phân chia thành khu vực để các loại thực phẩm riêng biệt, đảm bảo các quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm;
- c) Có tủ lạnh lưu mẫu thức ăn.

Mức 2:

Bếp ăn đảm bảo theo quy định tại Điều lệ trường Mầm non.

Mức 3:

Bếp ăn đảm bảo theo Tiêu chuẩn quốc gia về yêu cầu thiết kế trường Mầm non.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có 02 bếp ăn được xây dựng kiên cố ở khu trung tâm và điểm trường Pú Tử độc lập với các khối phòng chức năng khác: Gồm có khu sơ chế, khu chế biến, khu nấu ăn, khu chia thức ăn; được thiết kế và tổ chức theo dây chuyền hoạt động một chiều [3.4-01].

Kho chứa thực phẩm được phân chia thành khu vực riêng biệt có lối nhập, xuất hàng thuận tiện, phân chia khu vực cho từng loại thực phẩm, có thiết bị bảo quản thực phẩm, được sắp xếp gọn gàng ngăn nắp đảm bảo các quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm như cách mặt đất 20cm, cách tường 10cm, có cửa sổ thoáng [3.4-01].

Có tủ lạnh để lưu mẫu thức ăn, thực hiện lưu mẫu đúng quy định được bảo quản sau 24 giờ, tủ lạnh được kiểm tra và vệ sinh sạch sẽ thường xuyên [3.4-02]; [H3-3.4-03].

Mức 2:

Bếp ăn của nhà trường có tổng diện tích 172m² (Nhà bếp trung tâm có diện tích 72 m², Bếp điểm Pú Tử diện tích 100m²) bình quân trên trẻ là 0,30m²/trẻ. Khu sơ chế, khu chế biến có bể nước, sân rửa được lát đá sạch sẽ, khu nấu ăn bếp ga có đủ các dụng cụ nấu sạch sẽ, khu chia thức ăn có chạn được ốp lưới tránh ruồi và các con vật bám vào thức ăn, có các ngăn chia ăn cho các khối lớp, được thiết kế và tổ chức theo quy trình hoạt động bếp một chiều. Có đủ đồ dùng phục vụ trẻ ăn bán trú tại trường như: Bếp ga, tủ nấu cơm điện, nồi cơm điện, máy lọc nước, bát, thìa inox, đĩa, chạn đựng đồ dùng, dụng cụ chế biến thực phẩm đảm bảo các quy định về VSATTP. Có tủ lạnh để lưu mẫu thức ăn hàng ngày, có nguồn nước sạch đảm bảo cho sinh hoạt hằng ngày, chất lượng nước được cơ quan y tế kiểm định. Nhà bếp có đủ thiết bị phòng cháy chữa cháy. Hệ thống xử lý rác thải, nước thải của bếp ăn được phân loại và xử lý thu gom đến nơi tập trung theo quy định, hợp vệ sinh được đảm bảo theo quy định [1.6-03]; [3.4-01].

Mức 3

Bếp ăn được xây dựng kiên cố, thông thoáng, đủ ánh sáng, tường, trần nhà, sàn nhà nhẵn, bằng phẳng, có đủ các phương tiện phục vụ cho việc làm vệ sinh và khử trùng dụng cụ chứa thức ăn và sử dụng để ăn, uống được làm bằng nhôm, inox để làm vệ sinh, không ô nhiễm, không có yếu tố độc hại, có phương tiện bảo quản thực phẩm, có hệ thống cung cấp nước sạch và chỗ rửa tay với xà phòng; có phương tiện phân loại, thu gom, vận chuyển rác, thực phẩm, thức ăn thừa; thùng đựng rác có nắp đậy đảm bảo theo quy định, chạn chia cơm của các bếp ăn có thiết kế lắp đặt lưới đảm bảo để chống chuột, ruồi, nhặng, gián hoặc các côn trùng có hại khác [3.4-01].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có 02 bếp ăn được xây dựng kiên cố độc lập với khối phòng chức năng khác, thông thoáng, đủ ánh sáng, tường, trần nhà, sàn nhà nhẵn, bằng phẳng, có đủ các phương tiện, đủ diện tích và hoạt động theo quy trình một

chiều, có kho để thực phẩm được phân chia theo từng khu vực riêng biệt. Nhà bếp thông thoáng, đủ ánh sáng, có tủ lạnh để lưu mẫu thức ăn, đủ dụng cụ, đồ dùng phục vụ cho trẻ ăn bán trú tại trường. Trung tâm và các điểm trường lẻ có đủ nước sạch phục vụ cho sinh hoạt hằng ngày. Hệ thống xử lý rác thải, nước thải của bếp ăn hợp vệ sinh được đảm bảo theo quy định.

3. Điểm yếu: Không.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Xây dựng kế hoạch tu sửa, thay thế và bổ sung thêm đồ dùng dụng cụ nhà bếp đảm bảo mục đích sử dụng trong công tác cho trẻ ăn bán trú tại trường mầm non đạt hiệu quả cao như: Thay thế tủ ga nấu cơm vào năm 2025, hàng năm thay thế bổ sung xoong nồi và dụng cụ nấu bị hao mòn, hỏng.	Ban giám hiệu, Phòng GD&ĐT, cha mẹ trẻ	Kế hoạch phát triển nhà trường, tờ trình, công trình bếp ăn tập thể.	Năm học 2023-2024	50.000.000

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 3.5: Thiết bị, đồ dùng, đồ chơi

Mức 1

a) Có các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi đáp ứng yêu cầu tối thiểu phục vụ nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục;

b) Các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tự làm hoặc ngoài danh mục quy định phải đảm bảo tính giáo dục, an toàn, phù hợp với trẻ;

c) Hàng năm các thiết bị được kiểm kê, sửa chữa.

Mức 2:

a) Hệ thống máy tính được kết nối Internet phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy học;

b) Có đủ thiết bị dạy học theo quy định;

c) Hàng năm, được bổ sung các thiết bị dạy học, thiết bị dạy học tự làm.

Mức 3:

Các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tự làm hoặc ngoài danh mục quy định được khai thác và sử dụng hiệu quả, đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục, nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

Nhà trường có các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi đáp ứng yêu cầu tối thiểu phục vụ công tác nuôi dưỡng, CSGD trẻ em theo quy định tại văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGDĐT ngày 23/03/2015 về ban hành danh mục đồ dùng, đồ chơi, thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho GDMN [1.6-03]; [H3-3.2-03]; [3.5-01].

Nhà trường chỉ đạo các nhóm, lớp tự làm bổ sung đồ dùng, đồ chơi để phục vụ học tập và vui chơi cho trẻ. Các đồ dùng, đồ chơi tự làm ngoài danh mục quy định phải bảo đảm tính giáo dục, bền đẹp, an toàn, kích thích phù hợp với trẻ [3.5-01].

Hàng năm các thiết bị của nhà trường được kiểm kê, định kỳ vào đầu năm và cuối năm học [H1-1.6-06], nhà trường thường xuyên xây dựng kế hoạch kiểm tra các thiết bị đồ dùng để sửa chữa, bổ sung nâng cấp đáp ứng với nhu cầu tổ chức hoạt động CSGD trẻ có hiệu quả tại các điểm trường, nhóm, lớp [1.6-03].

Mức 2:

100% máy tính trong nhà trường được kết nối Internet phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy học [H3-3.5-02].

Nhà trường có đủ các thiết bị dạy học theo quy định tại Điều lệ trường mầm non, 20/20 nhóm, lớp đủ đồ dùng, thiết bị dạy học [1.6-03]; [H3-3.2-03].

Hàng năm nhà trường được phòng GD&ĐT cấp bổ sung các thiết bị dạy học tại văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGDĐT ngày 23/03/2015 về ban hành danh mục đồ dùng, đồ chơi, thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho GDMN và đồ dùng thiết bị ngoài danh mục. Đội ngũ giáo viên trong trường có phong trào làm đồ dùng đồ chơi tự tạo phục vụ cho các hoạt động giáo dục [1.6-03]; [H1-1.6-06]; [H3-3.2-03].

Mức 3

Các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi ngoài danh mục và tự làm tại các điểm trường, các nhóm, lớp được giáo viên bảo quản tốt và khai thác sử dụng có hiệu quả trong các hoạt động giáo dục, đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục, nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, CSGD trẻ [H1-1.4-06].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đủ các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi cho các điểm trường, nhóm, lớp theo quy định. Hàng năm nhà trường luôn có phong trào làm bổ sung đồ dùng, đồ chơi để phục vụ học tập và vui chơi cho trẻ. Các đồ dùng, đồ chơi tự làm ngoài danh mục quy định bảo đảm tính giáo dục, bền đẹp, an toàn, kích thích phù hợp với trẻ được giáo viên bảo quản tốt và khai thác sử dụng có hiệu quả trong các hoạt động giáo dục, đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục, nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, CSGD trẻ. 100% các máy tính được kết nối Internet, Wifi phục vụ cho hoạt động quản lý và các hoạt động giáo dục. Hàng năm nhà trường có tiến hành kiểm kê và bàn

giao tài sản, CSVC và có hồ sơ theo dõi thiết bị giáo dục, đồ dùng, thiết bị dạy học.

3. Điểm yếu: Không.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Thường xuyên kiểm tra tài sản, đồ dùng đồ chơi, trang thiết bị hàng năm để có kế hoạch tu sửa, bổ sung và nâng cấp.	CBQL, GV	Đồ dùng, đồ chơi, thiết bị dạy học trong trường	Năm 2023-2024	15.000.000
Huy động phụ huynh đóng góp nguyên vật liệu phế thải cùng chung tay với giáo viên làm nhiều đồ dùng đồ chơi sáng tạo đưa vào hoạt động phong phú.	GV, cha mẹ trẻ	Nguyên vật liệu làm đồ dùng, đồ chơi	Năm 2023-2024	Không
Kiểm tra thường xuyên việc bảo quản thiết bị đồ chơi phục vụ cho việc giảng dạy của giáo viên.	CBQL, GV	Kế hoạch kiểm tra nội bộ.	Năm học 2023-2024 và năm học tiếp theo	Không

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 3.6: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước.

Mức 1:

a) Phòng vệ sinh cho trẻ, khu vệ sinh cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên đảm bảo không ô nhiễm môi trường; phòng vệ sinh đảm bảo sử dụng thuận lợi cho trẻ khuyết tật;

b) Có hệ thống thoát nước đảm bảo vệ sinh môi trường; hệ thống nước sạch đảm bảo nước uống và nước sinh hoạt cho giáo viên, nhân viên và trẻ;

c) Thu gom rác và xử lý chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường.

Mức 2:

a) Phòng vệ sinh cho trẻ, khu vệ sinh cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên thuận tiện, được xây dựng phù hợp với cảnh quan và theo quy định;

b) Hệ thống cung cấp nước sạch, hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đáp ứng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Các phòng vệ sinh của trẻ, khu vệ sinh cho cán bộ giáo viên, nhân viên tại trung tâm và các điểm trường được xây dựng kiên cố được bố trí phòng vệ sinh nam, nữ riêng biệt, không ô nhiễm môi trường. Các phòng vệ sinh được bố trí bệt xí nhỏ thấp, vòi rửa tay vừa tầm đối với trẻ thuận lợi cho trẻ khuyết tật sử dụng, nhà vệ sinh có vách ngăn thấp đảm bảo việc giáo viên bao quát được trẻ, có đủ ghế ngồi bô chắc chắn dành cho trẻ nhà trẻ sử dụng đảm bảo an toàn thuận lợi cho cả trẻ khuyết tật [3.6-01].

Nhà trường có hệ thống cống rãnh thoát nước có nắp đậy, có hệ thống xử lý nước thải được lắp đặt đảm bảo vệ sinh môi trường. Hệ thống nước sạch có máy lọc nước, nguồn nước máy, nước giếng khoan sạch sẽ, đảm bảo đủ nước uống và nước sinh hoạt cho CBQL, GV, NV và trẻ đáp ứng nhu cầu sử dụng, đảm bảo các quy định và tiêu chuẩn chất lượng theo quy định hiện hành [3.6-01]; [3.6-02].

Nhà trường có hệ thống thu gom rác và xử lý chất thải hàng ngày đảm bảo vệ sinh môi trường. Có đủ số lượng thùng đựng có nắp đậy để đựng rác và phân loại rác tạm thời, thuận tiện cho công tác làm vệ sinh và khử trùng. Rác thải được thu gom hàng ngày và xử lý bằng cách vận chuyển tới nơi xử lý tập trung, không để rác thải, nước thải tồn đọng, bố trí độc lập, cách xa các khối phòng chức năng, ở cuối hướng gió; có lối ra vào riêng, thuận lợi cho việc thu gom, vận chuyển rác; có hệ thống thoát nước riêng, không ảnh hưởng đến môi trường [3.6-02].

Mức 2:

Các phòng vệ sinh cho trẻ, phòng vệ sinh cho cán bộ, giáo viên nhân viên đủ diện tích, thiết kế xây dựng phù hợp với cảnh quan, đảm bảo theo quy định. Tổng diện tích phòng vệ sinh cho trẻ là 226m², bình quân 0,4m²/trẻ. Phòng vệ sinh của trẻ ở trung tâm và điểm trường Pú Túu được xây dựng khép kín với phòng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ, Điểm trường Đội 2, điểm Chăn Nuôi 2, điểm C17 có phòng vệ sinh liền kề. Các phòng vệ sinh đều có phòng vệ sinh riêng cho trẻ trai, trẻ gái, có vách ngăn cao 1,2m giữa chỗ đi tiểu và bồn cầu, thuận tiện cho giáo viên có thể bao quát trẻ, các thiết bị vệ sinh được lắp đặt phù hợp với từng độ tuổi: (trẻ nhà trẻ: có vòi nước rửa tay, đủ ghế ngồi bô cho trẻ nhà trẻ); (trẻ mẫu giáo: Có 11 trẻ mẫu giáo/1 bệt xí đủ theo quy định, có đủ vòi nước rửa tay đảm bảo 6 trẻ/vòi, có tiểu treo dành trẻ trai), thùng chứa nước có nắp đậy an toàn. Phòng vệ sinh dành cho CBQL, GV, NV có diện tích bình quân 10m² /phòng, được bố trí phòng nam, nữ riêng biệt [3.6-01].

Nhà trường sử dụng nguồn nước sạch bao gồm nước máy và nước giếng khoan, có máy lọc nước đáp ứng nhu cầu sử dụng. Có hệ thống cống rãnh thoát nước mưa, nước thải sinh hoạt dài 582m, không để nước ứ đọng xung quanh trường, lớp. Có hệ thống thoát nước riêng cho khu vực nhà bếp, khu vệ sinh. Khu vực sân trường, các lớp học, nhà bếp, phòng vệ sinh có thùng đựng và phân loại rác, tự thu gom rác thải vận chuyển đến nơi tập chung [3.6-01]; [3.6-02]; [H3-3.6-03].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có các phòng vệ sinh của trẻ, khu vệ sinh của CBQL, GV, NV được xây dựng đảm bảo diện tích theo quy định, được phân thành phòng vệ sinh nam, nữ riêng biệt, sử dụng thuận tiện, không ô nhiễm môi trường và thuận lợi cho trẻ khuyết tật sử dụng. Các phòng vệ sinh của trẻ khép kín, liền kề với phòng sinh hoạt chung. Có hệ thống thoát nước được lắp đặt đảm bảo vệ sinh môi trường, có nguồn nước sạch đáp ứng nhu cầu sử dụng, đạt các tiêu chuẩn chất lượng nước theo quy định hiện hành. Có hệ thống thu gom rác và xử lý chất thải hàng ngày, không để rác thải, nước thải tồn đọng gây ô nhiễm môi trường, đảm bảo vệ sinh, đáp ứng quy định của Bộ GD&ĐT, Bộ Y tế.

3. Điểm yếu: Không

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Xây dựng kế hoạch, lộ trình sửa chữa nâng cấp nhà vệ sinh tại các điểm Đội 2, điểm C17. Tham mưu với UBND xã và cha mẹ học sinh để có thêm nguồn kinh phí.	CBQL, GV, phòng GD&ĐT, UBND xã, cha mẹ trẻ.	Kế hoạch, tờ trình, kinh phí.	Trong năm học 2023-2024	100.000.000
Kiểm tra bảo dưỡng thường xuyên thiết bị nhà vệ sinh, hệ thống cấp nước, hệ thống thoát nước đảm bảo vệ sinh.	CBQL, GV	Kế hoạch, kinh phí.	Trong năm học 2023-2024	20.000.000

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Kết luận về tiêu chuẩn 3

Trường mầm non xã Thanh Xương có vị trí thuận lợi ở trung tâm dân cư giáp với thành phố Điện Biên Phủ, văn hóa xã hội phát triển, giao thông thuận tiện và hệ thống cơ sở vật chất đầy đủ, khang trang, hiện đại có các công trình được xây dựng kiên cố và bán kiên cố diện tích khuôn viên và các công trình đảm bảo theo quy định, được Sở GD&ĐT và Phòng GD&ĐT đặt làm nơi trung tâm giao lưu văn hóa, tổ chức các sự kiện, hội thi, các buổi sinh hoạt chuyên môn cấp huyện cấp tỉnh. Nhà trường có diện tích đất sử dụng đảm bảo theo quy định. Có cổng, biển tên trường, có tường bao ngăn cách với bên ngoài, đảm bảo an toàn, sạch sẽ. Các nhóm/lớp học, các khối phòng hành chính quản trị bảo đảm đủ diện tích và được bố trí sắp xếp phù hợp, có đầy đủ đồ dùng đồ chơi, thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho từng khối lớp và thiết bị đồ dùng đồ chơi tự làm bền đẹp. Bếp ăn được xây dựng theo quy trình một chiều với đầy đủ các đồ dùng nhà bếp, có kho lưu trữ thực phẩm, có tủ lạnh lưu mẫu thức ăn hàng ngày và đã được cấp giấy chứng nhận đủ

điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm. Phòng vệ sinh cho giáo viên, trẻ được xây dựng khép kín và liền kề đảm bảo diện tích, đủ các thiết bị, phương tiện vệ sinh, thuận tiện cho việc sử dụng. Phòng giáo dục thể chất có trái cây và thảm xốp có các đồ dùng, thiết bị, đồ chơi phát triển vận động, phòng giáo dục nghệ thuật có các thiết bị, đồ dùng dụng cụ âm nhạc, tạo hình để tổ chức các hoạt động giáo dục nghệ thuật, phòng ngoại ngữ - tin học có đủ các thiết bị công nghệ thông tin, mạng Internet, phần mềm Kidsmart phục vụ cho hoạt động vui chơi, khám phá làm quen với công nghệ tin học – ngoại ngữ của trẻ. Nhà trường có nguồn nước sạch đảm bảo vệ sinh, có hệ thống thu gom, xử lý rác thải đảm bảo vệ sinh môi trường, vệ sinh phòng bệnh. Hằng năm nhà trường có kiểm kê, bảo quản và sử dụng có hiệu quả các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi hiện có. Có kế hoạch tu sửa và bổ xung các trang thiết bị, đồ dùng, đồ chơi kịp thời đảm bảo hoạt động CSGD trẻ của nhà trường.

Tuy nhiên nhà trường còn 02 điểm trường: Khu trung tâm trường, điểm trường phố Tiểu đã lập hồ sơ đề nghị các cấp cấp giấy chứng nhận hiện tại chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Số tiêu chí đạt đạt yêu cầu: 6/6 tiêu chí.

Số tiêu chí chưa đạt yêu cầu: 0

Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội

Mở đầu:

Để thực hiện tốt kế hoạch phát triển nhà trường, nhằm nâng cao chất lượng chăm sóc giáo dục trẻ, thì công tác phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường, gia đình và xã hội giữ vai trò vô cùng quan trọng. Vì vậy trong những năm qua nhà trường đã xây dựng được mối quan hệ chặt chẽ giữa nhà trường, gia đình và xã hội, từng bước tranh thủ được sự quan tâm chăm lo cho sự nghiệp giáo dục của cộng đồng và toàn xã hội. Hằng năm nhà trường có Ban đại diện cha mẹ trẻ theo đúng cơ cấu tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm và hoạt động tuân thủ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh. Ban đại diện cha mẹ trẻ chủ động phối hợp với nhà trường trong công tác tham mưu với cấp ủy và chính quyền địa phương trong việc tổ chức thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường, huy động các nguồn lực đóng góp kinh phí và hiện vật để xây dựng cơ sở vật chất, cảnh quan trường lớp xanh - sạch - đẹp và xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh, an toàn tuyệt đối cho trẻ góp phần nâng cao chất lượng toàn diện của nhà trường.

Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ trẻ

Mức 1:

a) Được thành lập và hoạt động theo quy định tại Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh;

b) Có kế hoạch hoạt động theo năm học;

c) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động đúng tiến độ.

Mức 2:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục; hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ trẻ.

Mức 3:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có Ban đại diện cha mẹ học sinh của trường gồm có 05 thành viên gồm: 01 Trưởng ban, 01 Phó ban, 03 ủy viên thường trực, các nhóm/lớp đều có Ban đại diện cha mẹ học sinh của nhóm/lớp. Ban đại diện cha mẹ học sinh được thành lập và hoạt động theo quy định tại Thông tư 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22/11/2011 ban hành Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh [H4-4.1-01].

Ban đại diện cha mẹ học sinh của trường, nhóm/lớp có kế hoạch hoạt động cụ thể theo năm học [H4-4.1-01].

Hằng năm Ban đại diện cha mẹ học sinh đã triển khai tổ chức thực hiện các hoạt động theo kế hoạch. Các nội dung đã được thảo luận, thống nhất trong các cuộc họp của Ban đại diện cha mẹ trẻ của nhà trường, của các lớp thực hiện có hiệu quả cao [H4-4.1-01].

Mức 2:

Ban đại diện cha mẹ học sinh của nhà trường và của các nhóm/lớp phối hợp tích cực, có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục học sinh như: Huy động trẻ ra lớp, tham gia cùng cô và trẻ trong các hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ, hoạt động tham quan, trải nghiệm, lao động. tổ chức các ngày lễ trong năm như tổ chức trung thu cho trẻ, phụ huynh phối hợp lao động tạo cảnh quan môi trường. Phối hợp với nhà trường hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục tới các bậc phụ huynh như: Chế độ hỗ trợ ăn trưa, hỗ trợ chi phí học tập, cấp bù miễn giảm học phí, chính sách trẻ khuyết tật, trẻ hộ nghèo, cận nghèo [H4-4.1-02]; [1.1-09]; [H4-4.1-04].

Mức 3:

Trong những năm học qua Ban đại diện cha mẹ trẻ em đã phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh [H4-4.1-02], huy động học sinh trong độ tuổi ra lớp, huy động các nguồn lực hỗ trợ nhà trường về tài chính, ngày công lao động, nguyên vật liệu đê tu sửa CSVC, tôn tạo cảnh quan môi trường, phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tuyên truyền, chăm sóc, giáo dục trẻ góp phần nâng cao chất lượng CSGD trẻ của nhà trường [1.1-09]; [H1-1.2-05].

2. Điểm mạnh:

Ban đại diện cha mẹ trẻ em của các nhóm/lớp và của trường được thành lập dưới sự đồng thuận, nhất trí của 100% cha mẹ trẻ và hoạt động theo đúng chức năng nhiệm vụ, quyền hạn theo Điều lệ Ban đại diện cha mẹ trẻ em. Ban đại diện cha mẹ trẻ em có kế hoạch hoạt động cụ thể theo năm học và tổ chức thực hiện theo đúng tiến độ kế hoạch đề ra. Phối kết hợp chặt chẽ, có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ tuyên truyền, hướng dẫn, chủ trương chính sách về giáo dục tới các bậc phụ huynh. Phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc CSGD trẻ, tôn tạo, tu sửa cảnh quan môi trường, trong công tác xã hội hóa giáo dục góp phần nâng cao chất lượng CSGD trẻ.

3. Điểm yếu: Không.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Họp toàn thể cha mẹ trẻ của lớp, của trường để kiện toàn Ban đại diện cha mẹ trẻ.	CBQL, GV, Cha mẹ trẻ các lớp	Biên bản họp phụ huynh đầu năm của trường, lớp	Đầu các năm học tiếp theo.	Không
Thảo luận và xây dựng quy chế, Kế hoạch hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh	Ban đại diện cha mẹ học sinh	Kế hoạch hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh.	Đầu các năm học và các tháng tiếp theo	Không
Làm tốt công tác tuyên truyền phụ huynh tham gia vào công việc chung của nhà trường. Hỗ trợ kinh phí hoạt động và làm tốt những mục tiêu mà ban đại diện cha mẹ học sinh đề ra.	CBQL, GV	Kế hoạch tuyên truyền phối hợp với cha mẹ học sinh	Trong năm học 2023 – 2024 và các năm học tiếp theo.	
Chọn những thành viên có tinh thần trách nhiệm và khả năng tuyên truyền với cộng đồng về công tác CSGD trẻ tại trường. Ban đại diện cha mẹ học sinh điều chỉnh quy chế hoạt động hằng năm cho phù hợp.	CBQL, GV, cha mẹ học sinh	Quy chế hoạt động của ban đại diện cha mẹ học sinh.	Trong năm học 2023 – 2024 và các năm học tiếp theo.	
Nhà trường thông báo kế hoạch và lựa chọn thời gian	CBQL,	Kế hoạch họp cha mẹ	Trong năm học 2023 –	

hợp lý khi tổ chức các buổi họp để cha mẹ học sinh có mặt đầy đủ. Xây dựng kế hoạch để GV chủ nhiệm phối hợp với ban đại diện cha mẹ nâng cao hiệu quả giáo dục toàn diện cho trẻ và các hoạt động giáo dục của nhà trường.	GV	học sinh.	2024 và các năm học tiếp theo.	
---	----	-----------	--------------------------------	--

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3

Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường

Mức 1:

a) Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền địa phương để thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường;

b) Tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành giáo dục, về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường;

c) Huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định.

Mức 2:

a) Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền để tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển;

b) Phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để tổ chức các hoạt động lễ hội, sự kiện theo kế hoạch, phù hợp với truyền thống của địa phương.

Mức 3:

Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường đã chủ động và làm tốt công tác tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương xây dựng kế hoạch giáo dục, giải pháp cụ thể trong kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học để phát triển nhà trường như xây dựng mạng lưới quy mô trường, lớp, CSVC, huy động trẻ trong độ tuổi đến trường, công tác phổ cập GDMN cho trẻ em 5 tuổi, các khoản thu chi năm học, kế hoạch duy trì Phổ cập Giáo dục - Xóa mù chữ, kế hoạch thực hiện Đề án tăng cường tiếng Việt [H4-4.1-04].

Hàng năm, nhà trường tích cực tuyên truyền để nâng cao nhận thức và trách nhiệm của phụ huynh về các chủ trương chính sách của Đảng, Nhà nước,

của ngành, về các mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường trong năm học dưới nhiều hình thức như: Qua các buổi họp phụ huynh, tuyên truyền qua loa phóng thanh của thôn/đội bản, trao đổi với phụ huynh thông qua giờ đón trả trẻ hàng ngày [H1-1.2-05].

Năm học 2023-2024 nhà trường huy động và sử dụng nguồn nhân lực của các tổ chức, cá nhân, phụ huynh trong việc cải tạo cảnh quan môi trường giáo dục trong, ngoài lớp học và các hoạt động của trẻ như: Tổ chức trung thu 2023 cho trẻ (phụ huynh các lớp ủng hộ bằng hiện vật trị giá 15.090.000đ, Đoàn từ thiện cô Nguyễn Gấm ủng hộ 202 xuất quà bánh, kẹo trung thu trị giá 24.000.000đ và 2 xuất quà trị giá 400.000đ cho 2 trẻ khuyết tật, nhà trường ủng hộ 5.000.000đ). Cô Phương Uyên nhóm nuôi em mạnh thường quân ủng hộ 150 quyển sách trị giá 3.750.000đ. Cô Đặng Ngọc Đoàn Trang tặng 5 thùng bánh trị giá 5.000.000đ.

[1.1-09]. Tích cực tham mưu tới các cấp ủy đảng chính quyền địa phương huy động các nguồn lực tài chính tu sửa CSVC, xây dựng cảnh quan môi trường nhằm đảm bảo các tiêu chí trường Mầm non đạt chuẩn giáo dục cấp độ 3, đạt chuẩn quốc gia mức độ II theo thông tư 19/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 [1.1-09]; [H1-1.2-05].

Mức 2:

Trong các năm qua nhà trường đã tham mưu với các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương tạo điều kiện từng bước thực hiện phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường, hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ cấp trên giao [H1-1.1-01]; [H1-1.2-05].

Nhà trường phối hợp với đoàn thể ở địa phương như: Đoàn thanh niên xã, của trường, công đoàn trường để tổ chức các hoạt động lễ hội, sự kiện theo kế hoạch, phù hợp với truyền thống địa phương một cách hiệu quả như: Trải nghiệm "Ngày hội bé đến trường", "Vui tết trung thu"; Kết hợp với công an xã tổ chức thành công buổi tuyên truyền an toàn giao thông và giao lưu Tôi yêu Việt Nam cho cán bộ giáo viên, nhân viên cùng trẻ và có đông đảo phụ huynh cùng tham gia; Kết hợp phụ nữ tổ chức mít tinh, giao lưu nhảy dân vũ cho cán bộ giáo viên, nhân viên nữ nhân dịp kỷ niệm 83 năm ngày thành lập Hội Liên Hiệp Phụ nữ Việt Nam 20/10 [1.1-09]; [H1-1.2-05].

Mức 3:

Nhà trường tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền xã và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương, là trung tâm thường xuyên được Sở GD&ĐT, Phòng GD&ĐT huyện Điện Biên chọn đặt làm địa điểm tổ chức các hội thi cấp huyện, cấp tỉnh, các cuộc giao lưu, các buổi tập huấn, sinh hoạt chuyên đề, chuyên môn cấp huyện, thường xuyên được đón các đơn vị trường học của các huyện, các tỉnh bạn đến tham quan và giao lưu [H1-1.2-05]. Năm học qua nhà trường đạt danh hiệu đơn vị văn hóa, năm 2022 nhà trường được UBND tỉnh công nhận danh hiệu "Đơn vị đạt chuẩn văn hóa", đạt chuẩn trong phong trào

"Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa" 5 năm giai đoạn 2016-2021 [H4-4.2-02].

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã tích cực tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương trong việc xây dựng kế hoạch thực hiện phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường theo năm học và giai đoạn nhằm nâng cao các điều kiện về CSVC trường lớp đáp ứng với yêu cầu CSGD trẻ. Tuyên truyền chủ trương chính sách của Đảng, nhà nước, của ngành giáo dục. Trong 05 năm gần đây nhà trường đã tham mưu cho cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương phối hợp huy động sự ủng hộ của các tổ chức, đoàn thể ở địa phương, cá nhân, phụ huynh và các lực lượng xã hội, sử dụng nguồn nhân lực hiệu quả, đóng góp công lao động trong việc cải tạo cảnh quan môi trường lớp học, ủng hộ, hỗ trợ cho trẻ có hoàn cảnh khó khăn. Phối hợp với các đoàn thể ở địa phương tổ chức các hoạt động lễ hội, sự kiện theo kế hoạch, phù hợp với truyền thống địa phương một cách hiệu quả và xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương. Nhiều năm qua nhà trường đạt danh hiệu đơn vị văn hóa, năm 2022 nhà trường được UBND tỉnh công nhận danh hiệu "Đơn vị đạt chuẩn văn hóa", đạt chuẩn trong phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa" 5 năm giai đoạn 2016-2021.

3. Điểm yếu: Không

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Tham mưu với cấp ủy Đảng chính quyền và các tổ chức đoàn thể của địa phương để được hỗ trợ nguồn kinh phí đầu tư cho những hoạt động giáo dục hằng năm của nhà trường.	CBQL	Các kế hoạch, tờ trình tham mưu với địa phương, các đoàn thể...	Trong các năm học 2023-2024 và các năm học tiếp theo.	5.000.000
Tìm kiếm các nguồn hỗ trợ hợp pháp, ban hành các văn bản, thư kêu gọi cá nhân, tổ chức hảo tâm hỗ trợ kinh phí, vật chất cho trẻ dự án nuôi em. - Kêu gọi các mạnh thường quân hỗ trợ cho 5 trẻ có hoàn cảnh khó khăn.	CBQL, giáo viên.	Tổ chức hội nghị, các bài tuyên truyền...	Trong các năm học 2023-2024 và các năm học tiếp theo.	- Dự án nuôi em 6.800 đ/1 trẻ. - Mạnh thường quân: 500.000 đồng/1 trẻ/1 tháng

Tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương chính sách của Đảng, nhà nước, ngành giáo dục về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục	CBQL	Tổ chức hội nghị, các bài tuyên truyền...	Trong năm học 2023 – 2024 và các năm học tiếp theo.	
Phối kết hợp hài hòa các hình thức tổ chức giữa các đoàn thể địa phương với các hoạt động của nhà trường và có thêm nhiều hình thức phối hợp giao lưu, tổ chức các hội thi gắn với nhiệm vụ năm học để xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh hơn.	CBQL, GV, Ban đại diện cha mẹ trẻ	Kế hoạch tuyên truyền phối hợp với các ban ngành đoàn thể	Trong năm học 2023 – 2024 và các năm học tiếp theo.	
Kết nối với nhóm từ thiện hỗ trợ sách tranh truyện độ tuổi thiếu nhi để xây dựng 4 thư viện xanh tại trung tâm và điểm trường Pú tửu	CBQL, giáo viên, Nhóm từ thiện, Chính quyền địa phương.	Thư kêu gọi, Kế hoạch xây dựng thư viện xanh, mô hình thư viện.	Trong năm học 2023 – 2024	Sách truyện : 10.000.000 đồng

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3.

Kết luận về Tiêu chuẩn 4

Hằng năm nhà trường thành lập Ban đại diện cha mẹ trẻ em theo đúng cơ cấu tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm và hoạt động tuân thủ theo quy định Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh. Ban đại diện cha mẹ trẻ em thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn và có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ với nhà trường làm tốt công tác tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương để nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ. Phối kết hợp với nhà trường trong việc tuyên truyền phổ biến Pháp luật, chủ trương Chính sách về giáo dục với nhiều hình thức khác nhau để nâng cao chất lượng CSGD trẻ. Nhà trường tham mưu phối kết hợp chặt chẽ tới các cấp ủy đảng chính quyền địa phương quan tâm, chăm lo đến sự nghiệp phát triển GDMN trên địa bàn phường. Thực hiện có hiệu quả công tác xã hội hóa giáo dục, huy động được các cá nhân, tổ chức, đoàn thể trong và ngoài địa bàn tham gia đóng góp các nguồn lực để tu sửa CSVC, xây dựng cảnh quan môi trường xanh, sạch, đẹp, an toàn, lành mạnh nhằm đảm bảo các tiêu chí trường Mầm non đạt chuẩn quốc gia mức độ II và trường đạt chất lượng giáo dục cấp độ 3. Phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương, tổ chức các hoạt động lễ hội, sự kiện theo kế hoạch, phù hợp với truyền thống của địa phương một cách hiệu quả.

+ Số tiêu chí đạt yêu cầu: 2/2

+ Số tiêu chí không đạt yêu cầu: 0

Tiêu chuẩn 5: Hoạt động và kết quả nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ

Mở đầu:

Nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ vừa là mục tiêu, nhiệm vụ, vừa là giải pháp quan trọng trong suốt những năm học vừa qua. Để chất lượng giáo dục ngày một nâng cao, nhà trường luôn chỉ đạo giáo viên thực hiện nghiêm túc Chương trình GDMN theo quy định của Bộ GD&ĐT đồng thời thực hiện phát triển chương trình đảm bảo phù hợp với quy định chuyên môn và văn hóa địa phương, phù hợp với khả năng của trẻ, với thực tế của trường. Định kỳ rà soát, đánh giá việc thực hiện Chương trình GDMN và có điều chỉnh kịp thời, phù hợp. Quan tâm xây dựng môi trường giáo dục lấy trẻ làm trung tâm, tạo cơ hội cho trẻ được học tập, vui chơi, trải nghiệm. Tổ chức các hoạt động giáo dục đa dạng về hình thức, linh hoạt về phương pháp dạy học, phù hợp với mục tiêu nội dung giáo dục với trẻ và điều kiện nhà trường, địa phương nhằm phát huy tính tích cực, chủ động sáng tạo giúp trẻ phát triển toàn diện về Đức - Trí - Thể - Mỹ. Chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ ngày một nâng cao, tỷ lệ trẻ SDD ngày một giảm. Tỷ lệ trẻ đi học chuyên cần của nhà trường đạt ở mức cao, đặc biệt là trẻ mẫu giáo 5 tuổi đạt trên 96%. Hằng năm 100% số trẻ 5 tuổi được đánh giá là đạt các mục tiêu và hoàn thành Chương trình GDMN.

Tiêu chí 5.1: Thực hiện Chương trình giáo dục mầm non

Mức 1:

a) Tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục mầm non theo kế hoạch;

b) Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành phù hợp quy định về chuyên môn của cơ quan quản lý giáo dục, với điều kiện nhà trường;

c) Định kỳ rà soát, đánh giá việc thực hiện Chương trình giáo dục mầm non và có điều chỉnh kịp thời, phù hợp.

Mức 2:

a) Tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục mầm non đảm bảo chất lượng;

b) Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, phù hợp với văn hóa địa phương, đáp ứng khả năng và nhu cầu của trẻ.

Mức 3:

a) Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành trên cơ sở tham khảo chương trình giáo dục của các nước trong khu vực và thế giới đúng quy định, hiệu quả, phù hợp với thực tiễn của trường, địa phương;

b) Hàng năm, tổng kết, đánh giá việc thực hiện chương trình giáo dục của nhà trường, từ đó điều chỉnh, cải tiến nội dung, phương pháp giáo dục để nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

Hàng năm nhà trường căn cứ vào Chương trình GDMN do Bộ GD&ĐT ban hành, căn cứ tình hình thực tế của nhóm lớp, nhà trường đã thành lập Hội đồng xây dựng Chương trình giáo dục nhà trường, Hội đồng thẩm định chương trình giáo dục nhà trường. Trên cơ sở đó các giáo viên các nhóm, lớp xây dựng kế hoạch chăm sóc, giáo dục trẻ phù hợp với đặc điểm tình hình của nhóm lớp mình phụ trách và tổ chức thực hiện kế hoạch Chương trình GDMN theo quy định [H1-1.2-04]; [H1-1.5-02].

Nhà trường thực hiện phát triển Chương trình GDMN do Bộ GD&ĐT ban hành đúng theo quy định. Căn cứ vào điều kiện về cơ sở vật chất của nhà trường, điều kiện phong tục tập quán văn hóa xã hội của địa phương, căn cứ theo nhu cầu, nguyện vọng của cha mẹ trẻ, nhà trường đã xây dựng kế hoạch và triển khai tổ chức cho trẻ lớp mẫu giáo làm quen với tiếng Anh và sử dụng phần mềm kidsmart, đưa công nghệ số vào chương trình giáo dục cho trẻ làm quen, chỉ đạo lồng ghép "Tăng cường tiếng Việt", kỹ năng sống, kỹ năng xã hội trong các hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ [H1-1.2-04]; [H5-5.1-01]; [H1-1.5-02].

Nhà trường đã thành lập Hội đồng đánh giá việc thực hiện chương trình, thường xuyên rà soát, đánh giá việc thực hiện chương trình GDMN trong quá trình thực hiện chương trình và đánh giá theo định kỳ, đánh giá vào các thời điểm đầu năm, giữa năm, cuối năm và có kế hoạch chỉ đạo giáo viên các nhóm, lớp điều chỉnh, bổ sung kịp thời đảm bảo Chương trình GDMN của nhà trường [H1-1.4-06]; [H1-1.5-02].

Mức 2

Nhà trường tổ chức thực hiện Chương trình GDMN đảm bảo chất lượng ở tất cả các nhóm, lớp [H1-1.4-06]; [H1-1.5-02].

Nhà trường thực hiện phát triển Chương trình GDMN do Bộ GD&ĐT ban hành đúng theo quy định. Căn cứ vào điều kiện về cơ sở vật chất của nhà trường, điều kiện phong tục tập quán văn hóa xã hội của địa phương, căn cứ theo nhu cầu, nguyện vọng của cha mẹ trẻ, nhà trường đã xây dựng kế hoạch và triển khai tổ chức cho trẻ lớp mẫu giáo làm quen với tiếng Anh và sử dụng phần mềm kidsmart, đưa công nghệ số vào chương trình giáo dục cho trẻ làm quen, chỉ đạo lồng ghép " Tăng cường tiếng Việt" trong các hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ [H1-1.2-04]; [H1-1.5-02];[H5-5.1-01];[H5-5.1-02].

Mức 3

Nhà trường đã tổ chức thực hiện phát triển Chương trình GDMN của Bộ giáo dục và Đào tạo ban hành đúng theo quy định, xây dựng dựa vào điều kiện thực tế của địa phương và đặc điểm của trẻ ở các độ tuổi phù hợp với văn hóa dân tộc. Nhà

trường đã tham khảo, ứng dụng chương trình và phương pháp giáo dục của các nước trong khu vực và trên thế giới như: Phương pháp dạy học Stem/Steam, Montessori, Reggio Emilia, ứng dụng công nghệ số vào trong dạy và học của trẻ [H1-1.2-04]; [H1-1.5-02]; [1.1-09].

Hằng năm nhà trường tiến hành kiểm tra, tổng kết đánh giá việc thực hiện Chương trình giáo dục nhà trường để từ đó có sự điều chỉnh cải tiến nội dung, phương pháp giáo dục nhằm nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục trẻ em [H1-1.4-06]; [H1-1.2-04]; [H5-5.1-02].

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã thực hiện chương trình GDMN do Bộ GD&ĐT ban hành, chỉ đạo xây dựng kế hoạch Chương trình GDMN phù hợp với địa phương, với tình hình thực tế của nhà trường. Nhà trường tổ chức cho trẻ làm quen với tiếng Anh, làm quen với phần mềm kidsmart phù hợp theo quy định về chuyên môn của các cơ quan quản lý giáo dục cấp trên. Hằng năm nhà trường định kỳ rà soát, đánh giá và điều chỉnh, bổ sung kế hoạch kịp thời phù hợp với bối cảnh văn hóa địa phương, đáp ứng nhu cầu và khả năng, hứng thú của trẻ nhằm nâng cao chất lượng nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục trẻ.

3. Điểm yếu: Không

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/ công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Nhà trường tiếp tục chỉ đạo tổ khối, giáo viên các nhóm lớp thực hiện có hiệu quả Chương trình GDMN do Bộ GD&ĐT ban hành	BGH, tổ trưởng, giáo viên	Kế hoạch, chỉ đạo	Trong năm học 2023-2024 và các năm tiếp theo	
Tiếp tục tăng cường kiểm tra, rà soát hướng dẫn giáo viên điều chỉnh, bổ sung kế hoạch, phát triển chương trình GDMN, lựa chọn các nội dung giáo dục phù hợp với đối tượng trẻ và điều kiện thực tế của từng nhóm, lớp.	BGH, tổ trưởng, giáo viên	Chương trình GDMN; Bồi dưỡng chuyên môn cán bộ quản lý, giáo viên	Trong năm học 2023-2024 và các năm tiếp theo	Không
Tiếp tục chỉ đạo giáo viên ứng dụng chương trình, phương pháp giáo dục của các nước trong khu vực và	Cán bộ quản lý, tổ trưởng, giáo viên	Bồi dưỡng chuyên môn, học tập, nghiên cứu	Trong năm học 2023-2024 và các năm	Không

thế giới vào tổ chức các hoạt động chăm sóc giáo dục tại nhà trường đạt hiệu quả.			tiếp theo	
---	--	--	-----------	--

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ

Mức 1:

a) Thực hiện linh hoạt các phương pháp, đảm bảo phù hợp với mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp với trẻ mầm non và điều kiện nhà trường;

b) Tổ chức môi trường giáo dục theo hướng tạo điều kiện cho trẻ được vui chơi, trải nghiệm;

c) Tổ chức các hoạt động giáo dục bằng nhiều hình thức đa dạng phù hợp với độ tuổi của trẻ và điều kiện thực tế.

Mức 2:

Tổ chức các hoạt động thực hành, trải nghiệm, khám phá môi trường xung quanh phù hợp với nhu cầu, hứng thú của trẻ và điều kiện thực tế.

Mức 3:

Tổ chức môi trường giáo dục trong và ngoài lớp học phù hợp với nhu cầu, khả năng của trẻ, kích thích hứng thú, tạo cơ hội cho trẻ tham gia hoạt động vui chơi, trải nghiệm theo phương châm “chơi mà học, học bằng chơi”.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

Nhà trường hướng dẫn giáo viên linh hoạt sử dụng các phương pháp tổ chức hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ theo quan điểm giáo dục lấy trẻ làm trung tâm, đồng thời linh hoạt ứng dụng phương pháp giáo dục của các nước trong khu vực và trên thế giới đảm bảo phù hợp với mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp với trẻ theo độ tuổi của các nhóm lớp và điều kiện thực tế của nhà trường, kết quả chăm sóc, giáo dục của các nhóm lớp luôn đảm bảo được mục tiêu đề ra [H1-1.5-02]; [H5-5.2-01].

Nhà trường xây dựng môi trường theo quan điểm giáo dục lấy trẻ làm trung tâm, tích cực tôn tạo cảnh quan môi trường ở trung tâm và các điểm trường bố trí các khu vực chơi cho trẻ và tổ chức các hoạt động trải nghiệm, vui chơi học tập như: Thư viện xanh, vườn cổ tích, vườn cây của bé; khu trải nghiệm với nước, trải nghiệm âm thanh, trải nghiệm sáng tạo; các góc địa phương, bản sắc quê em; khu phát triển vận động, vui chơi giao thông, tạo cơ hội cho trẻ tham gia hoạt động sáng tạo, khám phá, trải nghiệm (Tham quan khu du lịch sinh thái Him Lam, đồi A1, Bảo tàng) [1.1-09].

Giáo viên tổ chức các hoạt động giáo dục cho trẻ bằng nhiều hình thức đa dạng phù hợp với độ tuổi của trẻ và điều kiện thực tế của nhóm/ lớp như: Các

hoạt động giáo dục trong lớp, ngoài lớp, hoạt động cá nhân, nhóm, giao lưu hoạt động tập thể giữa các lớp, hoạt động học, hoạt động chơi, tham quan di tích lịch sử, hoạt động lao động [H1-1.5-02]; [H5-5.2-01].

Mức 2:

Nhà trường đã chỉ đạo 20/20 nhóm/lớp chú trọng tạo môi trường giáo dục trong và ngoài lớp phong phú, tổ chức các hoạt động thực hành, trải nghiệm, khám phá môi trường xung quanh phù hợp với nhu cầu, khả năng, hứng thú của trẻ và điều kiện thực tế của nhóm/lớp, địa phương [H1-1.5-02]; [H5-5.2-01]; [1.1-09].

Mức 3:

Đội ngũ giáo viên đã tích cực xây dựng môi trường trong và ngoài lớp theo quan điểm giáo dục lấy trẻ làm trung tâm cho trẻ hoạt động với môi trường giáo dục trong và ngoài lớp học đảm bảo, tạo môi trường, bổ sung các nguyên vật liệu, học liệu mở phù hợp với nhu cầu, khả năng của trẻ, kích thích hứng thú, tạo cơ hội cho trẻ tham gia hoạt động vui chơi, trải nghiệm theo phương châm “chơi mà học, học bằng chơi” [H1-1.5-02]; [H5-5.2-01]; [1.1-09].

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã vận dụng linh hoạt các phương pháp tổ chức hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ đảm bảo phù hợp với mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp với trẻ theo độ tuổi của các nhóm/lớp và điều kiện thực tế. Tích cực tôn tạo cảnh quan môi trường trong và ngoài lớp học theo quan điểm giáo dục lấy trẻ làm trung tâm, tạo sự đa dạng phong phú ở các khu vực chơi cho trẻ, tận dụng, sử dụng các nguyên vật liệu mở phù hợp với nhu cầu, khả năng của trẻ, kích thích hứng thú, tạo cơ hội cho trẻ tham gia hoạt động học tập, vui chơi, trải nghiệm theo phương châm "Chơi mà học, học bằng chơi". Giáo viên thường xuyên tổ chức các hoạt động giáo dục cho trẻ dưới nhiều hình thức đa dạng phù hợp với độ tuổi của trẻ và điều kiện thực tế của lớp, chú trọng tổ chức các hoạt động thực hành, trải nghiệm, khám phá môi trường xung quanh phù hợp với độ tuổi, nhu cầu, hứng thú của trẻ.

3. Điểm yếu: Không

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/ công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Nhà trường tiếp tục chỉ đạo Cán bộ quản lí, giáo viên phối hợp với cha mẹ học sinh tạo môi trường giáo dục trong và ngoài lớp học, tạo điều kiện cho học sinh có cơ hội học tập vui chơi	Ban giám hiệu, giáo viên, cha mẹ học sinh	Kế hoạch	Năm học 2023-2024 và các năm tiếp theo	Huy động hội cha mẹ học sinh, ngân sách nhà nước

và trải nghiệm.				
Tiếp tục bồi dưỡng chuyên môn cho Cán bộ quản lí, giáo viên để nâng cao việc vận dụng các phương pháp, hình thức tổ chức hoạt động giáo dục trẻ theo hướng thực hành, trải nghiệm.	CBQL, tổ trưởng, giáo viên, cha mẹ trẻ	Kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ.	Năm học 2023-2024 và các năm tiếp theo	Không

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3.

Tiêu chí 5.3: Kết quả nuôi dưỡng và chăm sóc, sức khỏe

Mức 1:

a) Nhà trường phối hợp với cơ sở y tế địa phương tổ chức các hoạt động chăm sóc sức khỏe cho trẻ;

b) 100% trẻ được kiểm tra sức khỏe, đo chiều cao, cân nặng, đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng biểu đồ tăng trưởng theo quy định;

c) Ít nhất 80% trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì được can thiệp bằng các biện pháp phù hợp, tình trạng dinh dưỡng của trẻ được cải thiện so với đầu năm học.

Mức 2:

a) Nhà trường tổ chức tư vấn cho cha mẹ trẻ hoặc người giám hộ về các vấn đề liên quan đến sức khỏe, phát triển thể chất và tinh thần cho trẻ;

b) Chế độ dinh dưỡng của trẻ tại trường được đảm bảo cân đối, đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng, đảm bảo theo quy định.

c) 100% trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì được can thiệp bằng những biện pháp phù hợp, tình trạng dinh dưỡng của trẻ cải thiện so với đầu năm học.

Mức 3:

Có ít nhất 95% trẻ khỏe mạnh, chiều cao, cân nặng phát triển bình thường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Hàng năm, nhà trường đã phối kết hợp với trạm y tế xã Thanh Xương tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho trẻ 2 lần/năm học, cho trẻ uống vitamin, thuốc tẩy giun, tiêm chủng vắc xin phòng bệnh cấp phát tờ rơi tuyên truyền về phòng chống dịch bệnh theo mùa, đo thân nhiệt, kiểm tra sức khỏe phòng chống dịch bệnh Covid-19 [H5-5.3-01]; [1.1-09].

Hàng năm nhà trường có 100% trẻ đến nhóm, lớp được kiểm tra sức khỏe, đo chiều cao, cân nặng, được đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng biểu đồ tăng trưởng theo quy định [H5-5.3-02].

Hàng năm, ngay từ đầu năm học nhà trường đã xây dựng kế hoạch phục hồi suy dinh dưỡng cho 100 % trẻ suy dinh dưỡng, thấp còi nhằm đưa ra những biện pháp can thiệp phù hợp như: Thay đổi khẩu phần ăn để có chế độ dinh dưỡng hợp lý với từng trẻ, có kế hoạch luyện tập phù hợp, tiến hành cân đo hàng tháng, nâng cao các hoạt động chăm sóc trẻ. Kết quả phục hồi dinh dưỡng hàng năm được cải thiện so với đầu năm học [H5-5.3-03].

Mức 2:

Nhà trường chú trọng tới công tác tuyên truyền, tư vấn cho cha mẹ trẻ về cách chăm sóc trẻ khoa học tại gia đình, các vấn đề liên quan đến sức khỏe, phát triển thể chất và tinh thần cho trẻ, tuyên truyền thực hiện các chỉ thị, công văn hướng dẫn các biện pháp phòng chống dịch bệnh theo mùa, dịch bệnh thường xuyên xảy ra, thực hiện thông điệp 2K thông qua các buổi họp phụ huynh, bảng tuyên truyền của trường và các lớp, các hoạt động của trẻ và trao đổi trực tiếp về tình hình của trẻ hằng ngày [1.1-09]; [H5-5.3-04].

Nhà trường xây dựng thực đơn theo ngày, tuần và thay đổi phù hợp với từng mùa trong năm đảm bảo chế độ dinh dưỡng của trẻ em tại trường phù hợp với độ tuổi đảm bảo cân đối đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng, đảm bảo theo quy định như: Xây dựng chế độ ăn, khẩu phần ăn theo độ tuổi, số bữa ăn theo quy định, nước uống, tỷ lệ các chất cung cấp năng lượng, chế biến hấp dẫn để trẻ ăn ngon miệng, hết khẩu phần [5.3-05].

Hàng năm 100% trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì được can thiệp phù hợp như: Chế độ ăn hàng ngày của trẻ được đảm bảo cân đối theo 4 nhóm thực phẩm, đảm bảo tỷ lệ calo, giáo viên quan tâm chăm sóc trẻ, động viên trẻ ăn hết xuất, chú ý tới trẻ mới ốm dậy, do đó hằng năm tình trạng suy dinh dưỡng của trẻ được cải thiện. Tính từ đầu năm học đến thời điểm đánh giá tình trạng dinh dưỡng của trẻ còn đang cao: Số trẻ Suy dinh dưỡng thể nhẹ cân 42 trẻ (8,3%) số trẻ thấp còi 44 trẻ (8,7%). Do là đầu năm học tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân và thấp còi còn ở mức cao, nhà trường tiếp tục có các biện pháp can thiệp phù hợp để giảm tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân và thấp còi xuống dưới 3% vào cuối năm học [H5-5.3-03].

Mức 3

Hàng năm kết quả theo dõi sự phát triển của trẻ, trẻ khỏe mạnh, chiều cao, cân nặng phát triển bình thường đạt 97% trở lên. Năm học 2023-2024 tính đến thời điểm đánh giá: Cân nặng bình thường đạt 91,7%; SDD thể nhẹ cân chiếm 8,3%, chiều cao bình thường đạt 91,3%, SDD thể thấp còi chiếm dưới 8,7% [H1-1.2-05]; [H5-5.3-02].

2. Điểm mạnh

Hàng năm nhà trường đã phối kết hợp với trạm y tế xã Thanh Xương, tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho trẻ 2 lần/năm học, phối hợp thực hiện các chương trình chăm sóc sức khỏe cho trẻ. Nhà trường chú trọng tới công tác tuyên truyền, tư vấn cho cha mẹ trẻ về cách chăm sóc trẻ khoa học tại gia đình, cách phòng chống dịch bệnh theo mùa, phát triển thể chất và tinh thần cho trẻ.

100% trẻ được kiểm tra sức khỏe, đo chiều cao, cân nặng, đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng biểu đồ tăng trưởng theo quy định, hàng năm tỷ lệ trẻ có sự phát triển ở kênh bình thường đạt từ 96% trở lên. Nhà trường căn cứ kết quả đánh giá chất lượng cân đo, đã triển khai xây dựng và thực hiện kế hoạch phục hồi dinh dưỡng cho 100% trẻ suy dinh dưỡng.

3. Điểm yếu

Nhà trường vẫn còn tỷ lệ 8,3% trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân và 8,7 trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi do đang là đầu năm học.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/ công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Tiếp tục làm tốt công tác phối hợp với các cơ sở y tế trong việc khám sức khỏe định kỳ và phòng chống dịch bệnh cho trẻ.	CBQL, giáo viên, y tế xã	Quy chế phối hợp giữa nhà trường và trạm y tế xã Thanh Xương	Trong năm học 2023-2024 và các năm tiếp theo	Không
Thực hiện tốt công tác vệ sinh an toàn thực phẩm.	CBQL, giáo viên, nhân viên y tế, cô nuôi.	Các công văn hướng dẫn thực hiện VSATTP	Trong năm học 2023-2024 và các năm tiếp theo	Không
Phối kết hợp có hiệu quả với cha mẹ trẻ tổ chức tốt ăn bán trú cho trẻ, cải thiện bữa ăn cho trẻ bị suy dinh dưỡng, giảm tỉ lệ trẻ suy dinh dưỡng xuống dưới 3 %.	CBQL, giáo viên, nhân viên y tế, cha mẹ trẻ.	Kế hoạch y tế.	Trong năm học 2023-2024 và các năm tiếp theo	Không

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3.

Tiêu chí 5.4: Kết quả giáo dục

Mức 1:

a) Tỷ lệ chuyên cần đạt ít nhất 90% đối với trẻ 5 tuổi, 85% đối với trẻ dưới 5 tuổi; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 85% đối với trẻ 5 tuổi, 80% đối với trẻ dưới 5 tuổi;

b) Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt ít nhất 85%; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 80% ;

c) Trẻ khuyết tật học hòa nhập, trẻ có hoàn cảnh khó khăn được nhà trường quan tâm giáo dục theo kế hoạch giáo dục cá nhân.

Mức 2:

a) Tỷ lệ chuyên cần đạt ít nhất 95% đối với trẻ 5 tuổi, 90% đối với trẻ dưới 5 tuổi; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 90% đối với trẻ 5 tuổi, 85% đối với trẻ dưới 5 tuổi;

b) Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt ít nhất 95%; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 90%;

c) Trẻ khuyết tật học hòa nhập (nếu có) được đánh giá có tiến độ đạt ít nhất 80%

Mức 3:

a) Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt ít nhất 97%; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 95%;

b) Trẻ khuyết tật học hòa nhập (nếu có) được đánh giá có tiến độ đạt ít nhất 85%.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Từ đầu năm học 2023-2024 tính đến thời điểm tự đánh giá, nhà trường đã thường xuyên chỉ đạo cán bộ quản lý, giáo viên làm tốt công tác tuyên truyền tới các bậc phụ huynh và cộng đồng huy động trẻ ra lớp và duy trì tỷ lệ trẻ đi học chuyên cần. Tính đến thời điểm đánh giá tỷ lệ chuyên cần của trẻ đạt từ 90% trở lên, trong đó tỷ lệ chuyên cần đối với Nhà trẻ đạt 90% trở lên, Mẫu giáo đạt 92% trở lên riêng trẻ 5 tuổi đạt 95% trở lên [H5-5.1-02].

Hàng năm 100% trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình GDMN do Bộ GD&ĐT ban hành [H5-5.4-01].

Hàng năm nhà trường đã làm tốt công tác huy động trẻ khuyết tật học hòa nhập, trẻ có hoàn cảnh khó khăn được nhà trường quan tâm giáo dục theo kế hoạch giáo dục cá nhân [H1-1.5-03] [H5-5.4-02].

Mức 2

Nhà trường đã làm tốt công tác tuyên truyền, vận động trẻ đi học, tỷ lệ trẻ chuyên cần đạt từ 90% trở lên, trong đó tỷ lệ chuyên cần đối với Nhà trẻ đạt 90% trở lên, Mẫu giáo đạt 92% trở lên riêng trẻ 5 tuổi đạt 95% trở lên [H5-5.4-01].

Qua các năm trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình GDMN đạt 100% [H5-5.4-01].

Hàng năm trẻ khuyết tật học hòa nhập có đầy đủ hồ sơ theo quy định và được theo dõi, đánh giá có sự tiến bộ đạt 90% trở lên [H1-1.5-03].

Mức 3:

Qua các năm học số trẻ hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt 100% [H5-5.4-02].

100% trẻ khuyết tật học hòa nhập được đánh giá có tiến bộ [H1-1.5-03].

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã chỉ đạo giáo viên làm tốt công tác tuyên truyền tới các bậc phụ huynh và cộng đồng huy động trẻ ra lớp. Tỷ lệ chuyên cần hằng năm đối với trẻ 5 tuổi đạt 95% trở lên, trẻ dưới 5 tuổi đạt từ 90% trở lên. Nhà trường có 100% trẻ 5 tuổi hoàn thành chương trình GDMN. 100% trẻ khuyết tật học hòa nhập theo quy định và được đánh giá có tiến bộ.

3. Điểm yếu: Không

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/ công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Năm học 2023-2024 và những năm tiếp theo tiếp tục huy động trẻ ra lớp đảm bảo chỉ tiêu giao, nâng cao tỷ lệ trẻ chuyên cần (Đặc biệt đối với trẻ dưới 5 tuổi).	Cán bộ quản lý, giáo viên	Quyết định giao biên chế số lớp, số học sinh hàng năm.	Trong năm học 2023-2024 và những năm học tiếp theo	Không
Chỉ đạo giáo viên phối hợp chặt chẽ với y tế để theo dõi đánh giá sự tiến bộ của trẻ khuyết tật học hòa nhập	Cán bộ quản lý, giáo viên, y tế	Kế hoạch giáo dục trẻ khuyết tật học hòa nhập.	Trong năm học 2023-2024 và những năm học tiếp theo	Không

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3.

Kết luận về Tiêu chuẩn 5

Nhà trường phát triển Chương trình GDMN theo kế hoạch và phù hợp quy định về chuyên môn của cơ quan quản lý giáo dục.

Nhà trường đã xây dựng, phát triển và triển khai thực hiện chương trình GDMN theo kế hoạch, tổ chức thực hiện cho trẻ làm quen với ngoại ngữ tiếng Anh phù hợp với quy định về chuyên môn và điều kiện thực tế của nhà trường, địa phương. Tổ chức các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ phù hợp với mục tiêu, nội dung giáo dục. Chú trọng tôn tạo cảnh quan môi trường giáo dục trong và ngoài lớp an toàn, lành mạnh, thân thiện theo quan điểm giáo dục lấy trẻ làm trung tâm tạo sự đa dạng các khu vực, môi trường mở phù hợp với nhu cầu, khả năng của trẻ, kích thích hứng thú, tạo cơ hội cho trẻ tham gia hoạt động học tập, vui chơi, trải nghiệm theo phương châm "Chơi mà học, học bằng chơi". Tổ chức tốt các hoạt

động lễ hội, hát dân ca, ca dao, đồng dao... Có nhiều biện pháp để nâng cao chất lượng CSGD trẻ, do đó kết quả CSGD trẻ của nhà trường từng bước được nâng lên. Tỷ lệ trẻ phát triển ở kênh bình thường, về cân nặng, chiều cao năm học 2023-2024 trên 91,3%, không có trẻ béo phì, tuy nhiên nhà trường vẫn còn trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân và thể thấp còi. Đa số trẻ đi học chuyên cần, tỷ lệ trẻ 5 tuổi đi học chuyên cần mức cao, hằng năm có 100% trẻ 5 tuổi đi học được công nhận hoàn thành chương trình GDMN. Có 02 trẻ khuyết tật học hòa nhập được đánh giá có tiến bộ đạt 85%

+ Số tiêu chí đạt yêu cầu: 4

+ Số tiêu chí không đạt yêu cầu: 0

Phần II. KẾT LUẬN CHUNG

Trong năm học 2023 - 2024, trường mầm non xã Thanh Xương đã có những bước phát triển nổi bật. Nhiều năm liền đạt danh hiệu tập thể lao động xuất sắc, Năm 2022-2023 nhà trường được UBND tỉnh tặng danh hiệu thi đua Lao động xuất sắc; Được UBND huyện tặng giấy khen và được công nhận danh hiệu đơn vị đạt chuẩn văn hóa năm 2022; Chi bộ Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, Công đoàn hoàn thành tốt nhiệm vụ. Các hoạt động của nhà trường đều phát triển, ổn định và bền vững, uy tín của nhà trường với ngành học, với các cấp lãnh đạo địa phương và các bậc phụ huynh ngày càng được nâng lên.

CSVCS, trang thiết bị phục vụ công tác quản lý, dạy và học của nhà trường ngày càng được đầu tư, bổ sung thường xuyên, nhà trường có khuôn viên khang trang, hiện đại, rộng rãi, môi trường xanh - sạch - đẹp - an toàn và thân thiện, có nhiều khu vực sáng tạo cho trẻ hoạt động thực hành trải nghiệm, được chọn làm địa điểm trung tâm văn hóa tổ chức các sự kiện, các hội thi, các buổi sinh hoạt chuyên đề cấp huyện cấp tỉnh.

Đội ngũ CBGV của trường có phẩm chất đạo đức và có năng lực chuyên môn nghiệp vụ, nhiệt tình, có trách nhiệm trong công việc được giao, nhiều giáo viên có phương pháp giảng dạy tốt. 100% số cán bộ giáo viên nhà trường có trình độ đạt chuẩn trở lên đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ của đổi mới giáo dục. Thực hiện tốt phát triển chương trình GDMN cho trẻ mẫu giáo được làm quen với tiếng Anh theo quy định của Bộ GD&ĐT, phương pháp dạy học đã được đổi mới linh hoạt phát huy tính tích cực, tự giác, chủ động, sáng tạo của trẻ.

Kết quả CSGD trẻ của nhà trường trong nhiều năm qua đã đạt kết quả cao, trẻ đạt được mục tiêu phát triển toàn diện theo chương trình GDMN do Bộ GD&ĐT ban hành.

Nhà trường làm tốt công tác XHHGD nên đã nhận được sự quan tâm của các cấp ủy Đảng, Chính quyền địa phương, phối kết hợp với các ban ngành, đoàn thể địa phương các bậc phụ huynh thực hiện tốt việc huy động trẻ ra lớp đảm bảo đạt chuẩn phổ cập GDMN trẻ em 5 tuổi, thực hiện tốt nhiệm vụ năm học đề ra.

Được sự quan tâm chỉ đạo sát sao của lãnh đạo Ngành, của Đảng ủy Chính quyền địa phương cùng với sự nỗ lực cố gắng phấn đấu không ngừng của tập thể cán bộ, giáo viên, học sinh, phụ huynh của nhà trường. Đối chiếu với các thành quả về hoạt động giáo dục mà nhà trường đã đạt được trong 5 năm qua với Bộ tiêu chuẩn tự đánh giá trường Mầm non được Bộ GD&ĐT ban hành;

trong quá trình tự đánh giá trường mầm non xã Thanh Xương đã đạt được những kết quả cụ thể về 5 tiêu chuẩn, 25 tiêu chí. Nhà trường đã tiến hành tự đánh giá theo đúng quy trình. Qua quá trình tự đánh giá nhà trường đã đạt được những kết quả cụ thể như sau:

- Tổng số tiêu chí: 25 tiêu chí
- + Số tiêu chí đạt yêu cầu: 25
- + Số tiêu chí không đạt yêu cầu: 0
- Tiêu chí đạt mức 1: 25/25 tiêu chí đạt 100%
- Tiêu chí đạt mức 2: 25/25 tiêu chí đạt 100%
- Tiêu chí đạt mức 3: 19/19 tiêu chí đạt 100%
- Tiêu chí không đạt mức 3: 0

*** Trường mầm non tự đánh giá**

Căn cứ Thông tư số 19/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường mầm non, kèm theo Quy định về Kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn Quốc gia đối với trường mầm non.

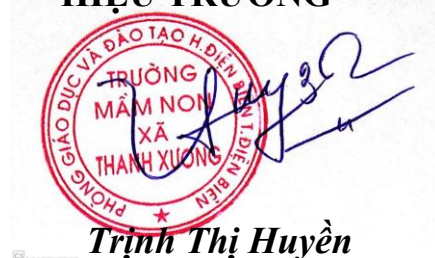
Căn cứ kết quả tự đánh giá của nhà trường, trường Mầm non xã Thanh Xương huyện Điện Biên đạt chuẩn chất lượng giáo dục cấp độ 3, trường đạt chuẩn Quốc gia mức độ II.

Trường Mầm non xã Thanh Xương đề nghị các cấp có thẩm quyền xem xét công nhận kết quả tự đánh giá của nhà trường và công nhận duy trì đạt kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 3 trường đạt chuẩn quốc gia mức độ II.

Trên đây là toàn bộ báo cáo tự đánh giá chất lượng giáo dục của trường Mầm non xã Thanh Xương - huyện Điện Biên - tỉnh Điện Biên về công tác kiểm định chất lượng giáo dục trường MN. Kính mong được cơ quan chủ quản, cấp ủy chính quyền địa phương, các thành viên trong Hội đồng đánh giá ngoài đóng góp ý kiến để công tác tự đánh giá của nhà trường ngày càng chất lượng và hoàn thiện hơn./.

Thanh Xương, ngày 30 tháng 10 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG



Trịnh Thị Huyền